



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC KON TUM

—ooo—

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC KON TUM**



KON TUM, NĂM 2018

MỤC LỤC

HỆ THỐNG TỪ NGŨ VIẾT TẮT	5
PHẦN THỨ NHẤT	6
GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP.....	6
I. TỔNG QUAN.....	6
1. Giới thiệu quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum.....	6
2. Ngành nghề kinh doanh	7
3. Tổ chức Đảng, Đoàn thể	8
4. Tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty	9
5. Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước khi cổ phần hóa....	12
6. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.....	16
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	18
II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.....	20
1. Tình hình tài sản, sử dụng đất	20
2. Tình hình các dự án đầu tư của Công ty	30
3. Tình hình về lao động của Công ty	34
III. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.....	35
PHẦN THỨ HAI.....	37
PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA.....	37
1. Căn cứ pháp lý	37
2. Mục tiêu và ý nghĩa cổ phần hóa	38
3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa.....	38
4. Hình thức cổ phần hóa	38
5. Thông tin cơ bản về doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa.....	39
6. Phương án sắp xếp lại doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa.....	40
7. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	44
8. Cổ phần Nhà nước sở hữu.....	45
9. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần ưu đãi cho người lao động, phương thức bán cổ phần lần đầu:.....	45
10. Dự kiến chi phí cổ phần hóa	49
11. Kế hoạch sử dụng tiền thu được việc bán cổ phần	49
PHẦN THỨ BA.....	51

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI LAO ĐỘNG	51
1. Kế hoạch sắp xếp lại lao động	51
2. Kế hoạch tuyển dụng	52
PHẦN THỨ TƯ	53
PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT	53
PHẦN THỨ NĂM	54
PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 03 NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA	54
1. Cơ hội và thách thức	54
2. Định hướng phát triển của Công ty sau cổ phần hóa	55
3. Mục tiêu hoạt động	55
4. Kế hoạch đầu tư sau cổ phần hóa	56
5. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hóa	57
6. Giải pháp thực hiện sau cổ phần hóa	57
7. Kế hoạch đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom của Sở giao dịch chứng khoán HN	62
PHẦN THỨ SÁU:	64
RỦI RO DỰ KIẾN	64
1. Rủi ro kinh tế	64
2. Rủi ro luật pháp	64
3. Rủi ro đặc thù	64
4. Rủi ro của đợt chào bán	65
5. Rủi ro khác	66
PHẦN THỨ BẢY	67
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ	67
1. Các bước tiến hành sau khi phương án được duyệt	67
2. Kiến nghị	67

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

HỆ THỐNG BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

Bảng số 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty trước khi cổ phần hóa.....	7
Bảng số 2: Cơ cấu doanh thu thuần năm 2015 đến 2017	13
Bảng số 3: Một số chỉ tiêu tài chính năm 2015 đến 2017.....	13
Bảng số 4: Tỷ trọng các loại chi phí của Công ty từ năm 2015 đến năm 2017.....	15
Bảng số 5: Bảng kê đất đai Công ty đang sử dụng tại thời điểm 01/10/2017	20
Bảng số 6: Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 01/10/2017	21
Bảng số 7: Tình hình nhà cửa, vật kiến trúc tại thời điểm 01/10/2017	22
Bảng số 8: Tình hình máy móc, thiết bị tại thời điểm 01/10/2017.....	23
Bảng số 9: Tình hình phương tiện, vận tải tại thời điểm 01/10/2017	27
Bảng số 10: Tình hình thiết bị dụng cụ quản lý tại thời điểm 01/10/2017	28
Bảng số 11: Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách Kế toán tại thời điểm 01/10/2017.....	28
Bảng số 12: Tình hình tài sản lưu động tại thời điểm 01/10/2017	29
Bảng số 13: Tình hình nguồn vốn của công ty tại thời điểm 01/10/2017.....	29
Bảng số 14: Tình hình các dự án đầu tư của Công ty tại thời điểm 01/10/2017	30
Bảng số 15: Cơ cấu tổ chức và chất lượng lao động của Công ty như sau	34
Bảng số 16: Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 01/10/2017.....	35
Bảng số 17: Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa.....	39
Bảng số 18: Kế hoạch sắp xếp lao động.....	43
Bảng số 19: Cơ cấu Vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa.....	45
Bảng số 20: Chi phí cổ phần hóa dự kiến.....	49
Bảng số 21: Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc bán cổ phần.....	50
Bảng số 22: Phương án sắp xếp lao động sau cổ phần hóa	51
Bảng số 23: Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần.....	52
Bảng số 24: Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa.....	53
Bảng số 25: Kế hoạch đầu tư, xây dựng sau cổ phần hóa	56
Bảng số 26: Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần	57
Sơ đồ số 1: Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty trước khi cổ phần hóa.....	9
Sơ đồ số 2: Cơ cấu tổ chức của Công ty sau khi cổ phần hóa.....	40

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

HỆ THỐNG TỪ NGŨ VIẾT TẮT

Tên viết tắt	Tên đầy đủ
Công ty	Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum
Công ty TNHH MTV	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
UBND	Ủy ban Nhân dân
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
HĐQT	Hội đồng quản trị
CPH	Cổ phần hóa
DMDN	Đổi mới doanh nghiệp
DN	doanh nghiệp
TSCĐ	Tài sản cố định
GTDN	Giá trị doanh nghiệp
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
WTO	Tổ chức thương mại thế giới



PHƯƠNG AN CỔ PHẦN HÓA

PHẦN THỨ NHẤT

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

I. TỔNG QUAN

1. Giới thiệu quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum

✦ Một số thông tin cơ bản của doanh nghiệp:

- Tên tiếng Việt : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC KON TUM
- Trụ sở chính : Số 182, Đường Trần Phú, Phường Trường Chinh, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum
- Tên giao dịch : CÔNG TY CẤP NƯỚC KON TUM
- Tên tiếng Anh : Kontum Water Supply Company
- Điện thoại : (0260) 3862.246
- Fax : (0260) 3861.805
- Email : Capnuockontum@gmail.com

✦ Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum

Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum tiền thân là Ban quản lý xây dựng công trình cấp nước thị xã Kon Tum được thành lập ngày 23 tháng 11 năm 1983 theo Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai - Kon Tum (Nay được tách thành hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum), sau đó được đổi tên thành Nhà máy nước thị xã Kon Tum. Nhà máy có công suất là 3.000m³/ngày đêm.

Năm 1991, tỉnh Gia Lai – Kon Tum được tách ra thành tỉnh Gia Lai và tỉnh Kon Tum, cũng trong thời gian này ngoài quá trình cung cấp nước phục vụ nhân dân, Nhà máy nước Kon Tum cũng tiến hành xây dựng thêm các trạm xử lý. Đến năm 1992, Nhà máy nước Kon Tum đã nâng công suất lên 7.000m³/ngày đêm.

Trước yêu cầu và tình hình mới, ngày 17 tháng 9 năm 1992, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định đổi tên Nhà máy nước Kon Tum thành Công ty cấp thoát nước và quản lý công trình đô thị Kon Tum trên cơ sở sát nhập đội Công trình đô thị của thị xã và nhà máy nước với chức năng hoạt động công ích trên các lĩnh vực cấp nước, thoát nước, duy tu, bảo dưỡng đường nội thị, thu dọn vệ sinh đô thị, quản lý chợ và nghĩa trang. Tới năm 1996, Ủy ban nhân dân tỉnh lại quyết định đổi tên thành Công ty cấp thoát nước và công trình đô thị Kon Tum, với tư cách là doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích, hạch toán độc lập.

Cùng với sự đổi mới nhanh của cả nước, thị xã Kon Tum ngày càng phát triển và mở rộng, nhu cầu nước sinh hoạt, phục vụ tiêu dùng và sản xuất ngày càng trở nên cấp thiết.

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Xuất phát từ yêu cầu đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã ra quyết định số 07/QĐ-UB ngày 12 tháng 02 năm 1999, thành lập Công ty Cấp nước tỉnh Kon Tum trên cơ sở tách bộ phận cấp nước của Công ty cấp thoát nước và công trình đô thị Kon Tum, là doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích.

Thực hiện chủ trương của Nhà nước giao quyền tự chủ, chủ động trong sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp, ngày 17 tháng 4 năm 2003, Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định số 383/QĐ-UB chuyển Công ty cấp nước Kon Tum từ doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích thành doanh nghiệp nhà nước hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty tự hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân, được nhà nước giao vốn để thực hiện sản xuất kinh doanh. Trong giai đoạn này cùng với Trung Ương và Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định cho Công ty cấp nước Kon Tum được đầu tư xây dựng dự án cải tạo và mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Kon Tum bằng nguồn vốn ODA của Chính phủ Pháp, do Công ty cấp nước Kon Tum làm chủ đầu tư, với công suất 12.000 m³/ngày đêm.

Từ khi thực hiện quyết định số 383/QĐ-UB chuyển Công ty cấp nước Kon Tum từ doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích thành doanh nghiệp nhà nước hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty đã tự chủ kinh doanh và đạt được nhiều thành tựu đáng kể, nâng cao chất lượng nước phục vụ nhân dân trong thị xã và tiến tới phục vụ đảm bảo về chất lượng, số lượng nước và phạm vi cung cấp dịch vụ cho nhân dân.

Ngày 28/6/2010, UBND tỉnh Kon Tum có quyết định số 624/QĐ-UBND về việc chuyển Công ty Cấp nước Kon Tum thành Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum do Nhà nước làm chủ sở hữu cho đến nay.

✦ Địa bàn hoạt động

Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước hoạt động kinh doanh mang tính phục vụ là chủ yếu trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100103828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 30/03/1999, cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 24/11/2015, ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng số 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty trước khi cổ phần hóa

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch	3600 (chính)
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
3	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

STT	Tên ngành	Mã ngành
4	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
5	Đại lý, môi giới, đầu giá Chi tiết: Đại lý	4610
6	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
7	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn đầu tư, thiết kế công trình cấp thoát nước, giám sát công trình cấp thoát nước, dân dụng và công nghiệp	7110
	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: thiết kế công trình cấp thoát nước	7410
8	Bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
9	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	7452
10	Mua bán máy móc, thiết bị điện	Ngành, nghề chưa khớp với mã Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum)

➤ Sản phẩm dịch vụ chủ yếu:

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ công cộng hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm những dịch vụ chính sau:

- Sản xuất và cung cấp nước sạch, sản xuất nước uống đóng chai;
- Xây dựng và lắp đặt các công trình cấp nước sinh hoạt;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa, vật tư thiết bị điện, nước;
- Tư vấn đầu tư, dịch vụ khảo sát, giám sát thi công công trình cấp thoát nước, dân dụng, công nghiệp, tư vấn thiết kế các công trình cấp nước.

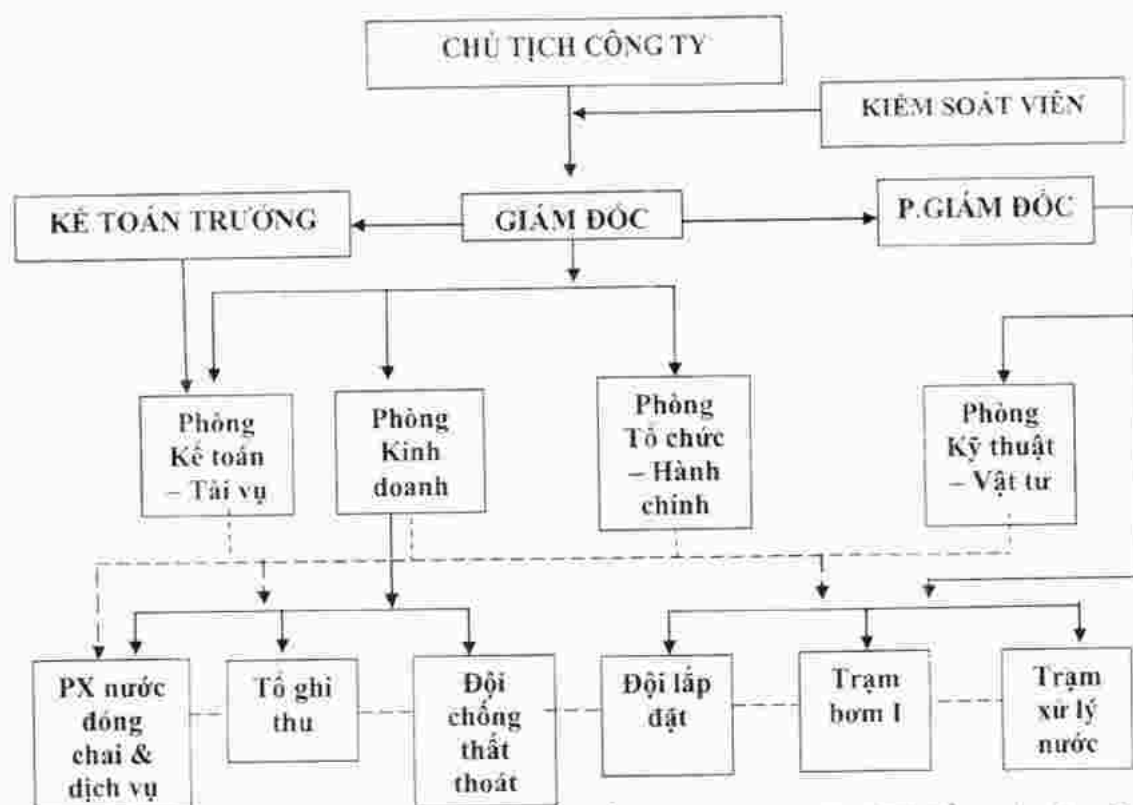
3. Tổ chức Đảng, Đoàn thể

- Tổ chức Đảng: Đảng ủy Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum trực thuộc Thành ủy Kon Tum; gồm 05 chi bộ trực thuộc, 37 đảng viên.
- Công đoàn cơ sở của Công ty trực thuộc Liên đoàn lao động thành phố Kon Tum, gồm 04 tổ công đoàn trực thuộc; 77 Đoàn viên Công đoàn.
- Chi đoàn thanh niên của Công ty trực thuộc Đoàn TNCS thành phố Kon Tum; 35 Đoàn viên thanh niên.

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

4. Tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty

Sơ đồ số 1: Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty trước khi cổ phần hóa



(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum)

✦ Chủ tịch Công ty

Chủ tịch công ty do chủ sở hữu bổ nhiệm, Chủ tịch công ty nhân danh chủ sở hữu thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty; nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

✦ Kiểm soát viên

Chủ sở hữu công ty quyết định số lượng Kiểm soát viên, bổ nhiệm Kiểm soát viên với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Kiểm soát viên kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cân trọng của Chủ tịch công ty và Giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của công ty.

✦ Ban Giám đốc

Thành phần Ban Giám đốc bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Giám đốc công ty do Ủy Ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Chủ tịch Công ty bổ nhiệm. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về các hoạt động của chính của công ty.

Giám đốc có quyền sau đây:

- Tổ chức thực hiện quyết định của Chủ tịch công ty;
- Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm cách chức các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;
- Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công ty;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Chủ tịch Công ty;
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Tuyển dụng lao động;
- Các quyền khác được quy định tại Luật doanh nghiệp và Quy chế của Công ty.

Phó Giám đốc: là người giúp và tham mưu cho Giám đốc trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được Giám đốc phân công.

Kế toán trưởng: Chịu trách nhiệm chung liên quan đến hoạt động tài chính của Công ty. Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và tham mưu cho giám đốc các vấn đề về tài chính của công ty.

✦ Phòng Kế toán tài vụ

- Tổ chức công tác kế toán để quản lý và sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại Công ty theo qui định của Nhà nước. Chỉ đạo nghiệp vụ, kiểm tra giám sát tình hình quản lý và sử dụng vốn, tài sản tại các đơn vị trực thuộc;
- Thực hiện và đánh giá việc thực hiện kế hoạch tài chính; Đề xuất phương án sử dụng vốn của công ty và tham gia giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của Công ty;
- Trực tiếp thực hiện các chế độ, chính sách kế toán, tài chính, thống kê;
- Lập kế hoạch và thực hiện công tác quản lý thu – chi hàng tháng, quý, năm đảm bảo hoạt động SXKD có hiệu quả; cân đối nguồn thu, chi và điều hoà sử dụng vốn trong công ty, phát hành hoá đơn tài chính theo quy định;
- Lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế; Quản lý, lưu trữ, sử dụng, cung cấp thông tin, tài liệu kế toán theo quy định của pháp luật;



PHƯƠNG ÁN CÔ PHÂN HÓA

- Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và sổ sách kế toán thực hiện việc ghi chép, theo dõi đầy đủ, chính xác toàn bộ tài sản, tiền vốn Công ty đang quản lý và sử dụng theo đúng quy định chế độ kế toán hiện hành.
- Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ và kiểm tra, giám sát tình hình thu chi tài chính, công nợ, quản lý và sử dụng tài sản, vật tư, nguồn vốn của các đơn vị, phòng ban trực thuộc Công ty;
- Thực hiện thanh toán tiền lương và các chế độ khác cho người lao động;

✦ Phòng Kinh doanh

- Tham mưu cho Ban Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đúng ngành nghề, đúng pháp luật, mang lại hiệu quả cao;
- Xây dựng chiến lược kinh doanh chung của Công ty theo từng giai đoạn: Ngắn hạn – Trung hạn – Dài hạn;
- Theo dõi, hỗ trợ, tổng hợp báo cáo cho Ban Giám đốc về tình hình hoạt động của toàn Công ty;
- Xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh theo tháng, quý, năm;
- Giám sát và kiểm tra chất lượng công việc, sản phẩm của các bộ phận khác nhằm mang đến khách hàng chất lượng dịch vụ cao;
- Có quyền nghiên cứu, đề xuất với lãnh đạo các chiến lược kinh doanh;
- Nghiên cứu đề xuất, lựa chọn đối tác đầu tư liên doanh, liên kết;
- Nghiên cứu về thị trường, đối thủ cạnh tranh

✦ Phòng Tổ chức – Hành chính

- Đối nội: công tác nội vụ của cơ quan, tiếp nhận, tổng hợp thông tin. Xử lý các thông tin theo chức năng, quyền hạn của phòng;
- Đối ngoại: tiếp khách, tiếp nhận tổng hợp các thông tin từ bên ngoài đến công ty. Xử lý các thông tin đó theo chức năng, quyền hạn của mình;
- Tổ chức hội nghị và các buổi khánh tiết của công ty;
- Soạn thảo văn bản, trình Giám đốc ký các văn bản đối nội, đối ngoại và phải chịu trách nhiệm trước giám đốc về giá trị pháp lý của văn bản đó;
- Phát hành, lưu trữ, bảo mật con dấu cũng như các tài liệu đảm bảo chính xác, kịp thời, an toàn;
- Tuyển dụng, quản lý nhân lực, điều động, chuyển chuyển người lao động;
- Giải quyết các chế độ chính sách đối với người lao động theo luật định và quy chế công ty;
- Theo dõi công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật của công ty;
- Lưu giữ và bổ sung hồ sơ CBCNV kịp thời, chính xác;

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- Tổ chức các lớp học, đào tạo bồi dưỡng kiến thức, nâng bậc thợ cho người lao động.
- Quản lý, điều hành phương tiện giao thông vận tải của Công ty phục vụ các chuyên đi công tác của Lãnh đạo, các đơn vị theo quy định của Công ty.
- Theo dõi tổng hợp và tham mưu đề xuất các khóa đào tạo cho CBCNV; làm đầu mối việc kiểm tra chuyên môn định kỳ và đột xuất của Công ty.
- Thực hiện các công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ trong toàn Công ty.

✦ **Phòng Kỹ thuật – Vật tư**

- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các công tác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Kiểm tra và hoàn tất các thủ tục về đầu tư XD CB đối với các dự án của Công ty; tham mưu cho Ban Lãnh đạo Công ty về hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án đầu tư theo quy định của nhà nước và pháp luật;
- Tổ chức kiểm tra chất lượng hồ sơ và chất lượng thi công xây lắp các công trình do Công ty thi công hoặc làm chủ đầu tư; hướng dẫn các đơn vị trực thuộc công ty về trình tự thủ tục trong đầu tư xây dựng cơ bản;
- Phòng Kỹ thuật – Vật tư có trách nhiệm tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong công tác quản lý kỹ thuật sản xuất, quản lý máy móc thiết bị, mạng lưới đường ống;
- Xây dựng, kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các đơn vị về chỉ tiêu kỹ thuật, định mức vật tư trong sản xuất; quy trình vận hành máy móc thiết bị, mạng lưới cấp nước trong sản xuất kinh doanh;
- Chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ các quy trình của công nghệ sản xuất, mạng lưới cấp nước và công tác khoa học kỹ thuật, áp dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất của Công ty;
- Kiểm tra, theo dõi công tác kỹ thuật trong sản xuất, thẩm định phương án duy tu bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị máy móc, mạng lưới cấp nước do các đơn vị đề nghị trình Giám đốc phê duyệt;
- Thiết kế, lập các dự toán thi công, giám sát và nghiệm thu, kiểm tra các công trình lắp đặt đường ống cấp nước, các công trình sửa chữa và xây dựng cơ bản được giao;
- Kiểm tra chất lượng vật tư thiết bị, nguyên nhiên vật liệu do Công ty tự sản xuất và vật tư mua sắm bên ngoài.

✦ **Các Tổ, Đội, Phân xưởng sản xuất,....:** Hoạt động theo sự phân công của Ban giám đốc Công ty.

5. **Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước khi cổ phần hóa.**

Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum là đơn vị thực hiện khai thác, sản xuất kinh

PHƯƠNG AN CỔ PHẦN HÓA

doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Công ty đã không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm phát triển bền vững Công ty; Đảm bảo chất lượng nước sạch đạt tiêu chuẩn vệ sinh nước sinh hoạt với dịch vụ tốt nhất tới người tiêu thụ.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian qua đạt được những kết quả như sau:

5.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

✦ Cơ cấu doanh thu trước khi cổ phần hóa:

Bảng số 2: Cơ cấu doanh thu thuần năm 2015 đến 2017

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		01/01/2017- 30/09/2017		Năm 2017	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Tổng doanh thu thuần	21.463	100%	23.950	100%	17.942	100%	25.416	100%
1.1	Doanh thu cung cấp nước	16.626	77,46%	17.808	74,35%	14.278	79,58%	18.779	73,89%
1.2	Doanh thu lắp đặt	4.206	19,60%	5.545	23,15%	3.331	18,57%	6.238	24,54%
1.3	Doanh thu nước bình	631	2,94%	597	2,49%	333	1,86%	399	1,57%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và tại thời điểm 30/09/2017 của Công ty)

Doanh thu thuần của Công ty có sự tăng trưởng đều qua các năm từ 2015 đến 2017. Cụ thể, doanh thu tăng từ 21.463 triệu đồng năm 2015 lên 23.950 triệu đồng năm 2016 và đạt giá trị 25.416 triệu đồng năm 2017. Trong đó, doanh thu thuần từ hoạt động cung cấp nước (hoạt động chính của công ty) chiếm tỷ trọng lớn (trung bình khoảng 75%) trong Tổng Doanh thu thuần. Ngoài ra, doanh thu lắp đặt và doanh thu nước bình cũng góp tỷ trọng khá lớn trong tổng doanh thu của công ty (khoảng 25%). Sự tăng trưởng Doanh thu thuần của công ty đạt được một phần nguyên nhân do nền kinh tế nhà nước đang đã phục hồi đồng thời công ty có kế hoạch kinh doanh tốt, việc phát triển và mở rộng mối khách hàng cũng tạo điều kiện tăng trưởng doanh thu hằng năm của công ty.

✦ Kết quả kinh doanh của Công ty trong các năm trước cổ phần hóa

Bảng số 3: Một số chỉ tiêu tài chính năm 2015 đến 2017

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	01/01/2017- 30/09/2017	Năm 2017
1	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	21.973	24.698	18.485	26.118
2	Tổng Chi phí	Triệu đồng	20.418	22.864	16.173	23.758
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.555	1.834	2.312	2.360

PHƯƠNG AN CỔ PHẦN HÓA

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	01/01/2017- 30/09/2017	Năm 2017
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.321	1.550	1.917	1.955

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và tại thời điểm 30/09/2017 của Công ty)

5.2. Nguồn cung cấp nguyên vật liệu

❖ Nguồn nguyên vật liệu:

Với lĩnh vực hoạt động chính là cung cấp dịch vụ công ích, công ty chủ yếu thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Kon Tum, hoạt động của Công ty bao gồm 2 lĩnh vực chính: Sản xuất và cung cấp nước sạch, sản xuất nước uống đóng chai; Xây dựng và lắp đặt các công trình cấp nước sinh hoạt.

Đối với hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sử dụng chủ yếu là nguồn nước khai thác tự nhiên (nước ngầm và nước mặt). Ngoài ra, Công ty còn sử dụng các vật liệu phụ để xử lý nước như phèn chua, clo, vật liệu lọc... và các nhiên liệu hỗ trợ các thiết bị như điện, xăng, dầu,... trước khi hòa vào mạng nước sạch cung cấp đến người dân.

Đối với hoạt động xây dựng và lắp đặt các công trình cấp nước sinh hoạt:

Nguồn nguyên vật liệu chủ yếu Công ty sử dụng như là đường ống, đồng hồ đo và các phụ kiện, xi măng, sắt thép, đá xây dựng,...

❖ Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu:

Nhìn chung, do các loại nguyên vật liệu phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty khá đơn giản và phổ biến nên Công ty có nhiều thuận lợi trong việc lựa chọn đơn vị cung cấp với mức giá hợp lý và nguồn cung ổn định, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty. Do đó, có thể nói Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum có nguồn cung cấp nguyên, nhiên vật liệu rất ổn định, giúp Công ty chủ động được trong sản xuất, đảm bảo phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

❖ Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

- Giá cả nguyên vật liệu tăng giảm tác động lớn tới doanh thu, lợi nhuận. Do nhận biết được vấn đề này, Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum đã áp dụng nhiều biện pháp tiết kiệm nhằm giảm thiểu tối đa sự biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào. Tỷ trọng giá vốn hàng bán trong cơ cấu chi phí là khá lớn chính vì vậy việc biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Trong những năm qua do nền kinh tế đất nước chịu ảnh hưởng chung của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, giá cả nguyên vật liệu biến động liên tục theo giá điện, xăng dầu; giá hàng hóa dịch vụ tăng cao cũng gây ra những ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

5.3. Chi phí sản xuất

PHƯƠNG AN CỔ PHẦN HÓA

Bảng số 4: Tỷ trọng các loại chi phí của Công ty từ năm 2015 đến năm 2017

TT	Khoản mục	Năm 2015		Năm 2016		01/01/2017- 30/09/2017		Năm 2017	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Giá vốn hàng bán	17.226	84,37%	19.521	85,38%	13.745	84,99%	20.172	84,91%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.066	15,02%	3.271	14,31%	2.389	14,77%	3.517	14,80%
4	Chi phí tài chính	62	0,30%	54	0,24%	24	0,15%	52	0,22%
5	Chi phí khác	18	0,09%	18	0,08%	15	0,09%	17	0,07%
Tổng chi phí		20.418	100%	22.864	100%	16.173	100%	23.758	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và tại thời điểm 30/09/2017 của Công ty)

Tổng chi phí của Công ty tăng qua các năm, giá trị 20.418 triệu đồng năm 2015, 22.864 triệu đồng năm 2016 và đạt giá trị 23.758 triệu đồng năm 2017. Trong đó, chi phí Giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi phí (trung bình khoảng 85%). Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng chi phí với bình quân khoảng 14,7%. Đây là hai khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí hoạt động kinh doanh của công ty. Công ty hoạt động chủ yếu bằng vốn tự có do vậy chi phí tài chính và chi phí khác chiếm tỷ trọng rất thấp.

5.4. Trình độ công nghệ

Nhận thức được tầm quan trọng của dịch vụ do mình cung cấp, Công ty luôn chủ động áp dụng các thiết bị công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý kỹ thuật hệ thống cấp nước. Để phục vụ cho quá trình hoạt động của mình được liên tục và không bị ngắt quãng, Công ty đã tiến hành đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải tiên tiến, phù hợp với nhu cầu hoạt động, điều này đã góp phần không nhỏ làm tăng năng suất, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Không chỉ chú trọng tới hoạt động cung cấp, để công tác vận hành sản xuất được tối ưu hóa, trong những năm qua, công ty luôn đặc biệt quan tâm tới công tác chống thất thu, thất thoát nước. Bằng việc lắp đặt các hệ thống thiết bị kiểm soát hoạt động của mạng lưới cấp nước như: Lắp van thông minh từng khu vực để điều tiết áp lực, lắp đặt đồng hồ điện tử... đã giúp việc quản lý hệ thống đường ống, phát hiện rò rỉ, tránh thất thoát nguồn nước trở nên hiện quả hơn.

5.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với đặc thù kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động mang tính phục vụ là chủ yếu. Do đó, việc nghiên cứu phát triển sản phẩm mới không phải là một mục tiêu được công ty chú trọng. Hiện tại, Công ty chủ yếu đi sâu vào việc nghiên cứu các biện pháp để ngày càng

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch tới khách hàng, đáp ứng được nhu cầu của cả những khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức.

5.6. Hệ thống quản lý chất lượng

Xác định chất lượng sản phẩm dịch vụ là vấn đề sống còn nên Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty luôn chú trọng và nghiêm túc thực hiện. Quá trình làm việc của từng trạm bơm được quản lý, giám sát thông qua Nhật ký vận hành và Báo cáo kết quả công việc. Việc kiểm soát chất lượng nước được thực hiện hàng ngày do Bộ phận hóa nghiệm thuộc phòng Kỹ thuật - Vật tư thực hiện kiểm soát chất lượng nước. Ngoài ra, việc kiểm tra chất lượng nước của Công ty tại các Nhà máy cấp nước được thực hiện sự kiểm tra, giám sát của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh trực thuộc Sở Y tế tỉnh Kon Tum.

Dự kiến sau khi hoàn thành việc cổ phần hóa, Công ty sẽ tiến hành xây dựng và áp dụng các quy trình, quy chế quản lý, các tiêu chuẩn chất lượng theo các quy định pháp luật có liên quan.

Hệ thống mạng lưới đường ống dẫn nước của Công ty luôn được kiểm tra, xử lý kịp thời. Hàng tháng có nhân viên và bộ phận trực thuộc thường xuyên đi kiểm tra, thay, sửa chữa, bảo dưỡng đường ống và các thiết bị cấp, đo nước.

5.7. Hệ thống marketing

Uy tín của Công ty được xây dựng chủ yếu nhờ vào chất lượng dịch vụ, sản phẩm Công ty cung cấp. Công ty chưa sử dụng nhiều các công cụ Marketing để quảng bá hình ảnh đến công chúng. Hiện nay, Công ty chưa có website riêng, chưa đẩy mạnh truyền thông ra các vùng lân cận mà chủ yếu giới thiệu sản phẩm và hoạt động của mình thông qua bộ phận thu tiền nước, một số phương tiện thông tin đại chúng mang quy mô nhỏ trên địa phương như: đài phát thanh, kênh truyền hình tỉnh Kon Tum và các tờ báo địa phương, đồng thời thực hiện các chương trình, chính sách theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

Công ty xác định được tầm quan trọng của Marketing trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Vì thế, dự kiến sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ tiến hành đầu tư đúng mức cho hoạt động này, đưa ra chiến lược Marketing phù hợp cho từng thời kỳ, góp phần mang lại thành công của Công ty trong việc tổ chức thực hiện chiến lược kinh doanh.

5.8. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Với đặc thù là doanh nghiệp nhà nước hoạt động mang tính chất phục vụ là chủ yếu, Công ty hiện chưa đăng ký hình ảnh logo, nhân hiệu riêng. Dự kiến sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ tiến hành đăng ký nhân hiệu thương mại cho sản phẩm, dịch vụ của mình.

6. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Trong quá trình hoạt động, Công ty chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Do đó, có sự tác động đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể:



PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

6.1. Thuận lợi

Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum Luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp, các ngành, từ đó tạo những điều kiện thuận lợi để công ty phát triển và mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Nước sạch là sản phẩm thiết yếu đối với người tiêu dùng. Chất lượng cuộc sống ngày càng cao, xã hội ngày một phát triển kéo theo nhu cầu sử dụng nước sạch ngày một gia tăng. Tốc độ phát triển của kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn khởi sắc, tốc độ đô thị hóa đất nước ngày càng nhanh, khu đô thị mọc lên với số lượng lớn. Để đảm bảo được chất lượng đời sống của người dân điều đó dẫn đến sự cần thiết phát triển và mở rộng hơn ngành dịch vụ phục vụ kinh doanh nước sạch để phát triển phù hợp với quá trình đô thị hóa của đất nước. Tuy nhiên, hệ thống cơ sở hạ tầng còn bất cập và thiếu đồng bộ, đặc biệt là hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước, do vậy nhu cầu đầu tư xây dựng các công trình cấp nước, thoát nước trong tương lai là rất lớn.

Với phương thức hoạt động kinh doanh phát triển bền vững dựa trên nền tảng giá trị gia tăng ngày càng cao cho người dân tại địa phương và trách nhiệm người lao động trong công ty, nên những năm qua công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo, ủng hộ của các cấp chính quyền và sự gần gũi lâu dài, xây dựng cùng phát triển của toàn thể cán bộ công nhân viên công ty.

Đội ngũ CBCNV có trình độ và tay nghề, có đầy đủ phương tiện vận tải đáp ứng yêu cầu công việc, đảm bảo khối lượng và chất lượng công việc dịch vụ cung cấp cũng như dự năng lực tiềm lực để tham gia đấu thầu các dự án quản lý, khai thác và vận hành các công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Bên cạnh đó Công ty luôn làm tốt công tác phối hợp với địa phương: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch đầu tư, Sở Xây dựng ... tranh thủ xin ý kiến chỉ đạo của cấp trên để kịp thời có biện pháp tổ chức thực hiện sát với tình hình thực tế tại công ty.

6.2. Khó khăn

Về tác động của các yếu tố vĩ mô: Điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều khó khăn, thách thức do tác động của tình trạng suy thoái kinh tế, chi phí nguyên vật liệu, hóa chất, điện, ... liên tục tăng cao dẫn đến chi phí sản xuất nước sạch tăng; đặc biệt do sự biến đổi khí hậu, việc đô thị hóa và các làng nghề phát triển tự phát làm ảnh hưởng nặng nề đến nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt cho người dân; Việc đầu tư các dự án mở rộng mạng lưới cấp nước gặp nhiều khó khăn do nguồn vốn còn hạn chế.

Về cơ sở vật chất: Hạ tầng các công trình cấp nước còn thiếu và cũ, nhiều công trình xuống cấp không được nâng cấp cải tạo hàng năm. Việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo công

PHƯƠNG ÁN CỎ PHẢN HỎA

trình cũ, đầu tư mua sắm thêm trang thiết bị tiên tiến còn gặp nhiều khó khăn do nguồn kinh phí của công ty còn hạn hẹp.

Ngoài ra, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch vừa mang tính kinh doanh, vừa mang tính an sinh xã hội để đảm bảo ổn định đời sống nhân dân trong tỉnh. Vì vậy, giá bán nước sạch chưa được điều chỉnh kịp thời, chưa phản ánh đầy đủ, đúng các chi phí thực tế cho sản xuất và lưu thông trong khi giá cả nguyên vật liệu tăng cao, khung giá nước lại do Nhà nước quy định, công ty không được phép điều chỉnh theo tình hình thực tế, đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty còn gặp khó khăn với phân khúc thị trường hẹp, hoạt động kinh doanh chưa đa dạng nên việc mở rộng thị trường không hề dễ dàng.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Đi vào hoạt động từ năm 1999, Công ty đã có hơn 19 năm kinh nghiệm trong hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác, sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Không chỉ thế, Công ty còn cung cấp thêm sản phẩm nước uống đóng chai được sản xuất dưới sự kiểm soát chặt chẽ lượng nghiêm ngặt, đảm bảo cung cấp cho người tiêu dùng sản phẩm nước uống trực tiếp sạch, phù hợp với các tiêu chuẩn về chất lượng theo quy định.

Tuy nhiên, do đặc thù của các công ty nước hiện nay được phân bổ theo địa bàn từng tỉnh, với mục đích hoạt động chủ yếu là cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân trên địa bàn tỉnh đó. Vì vậy, quy mô của công ty sẽ phát triển theo quy mô dân số và tình hình phát triển kinh tế của tỉnh. Kon Tum là một tỉnh nằm ở vùng Tây Nguyên, khu vực kinh tế chưa phát triển mạnh của đất nước. Vì thế, so với các công ty cấp nước thuộc các tỉnh thành khác, Công ty có quy mô vốn, trình độ công nghệ ở mức trung bình, phù hợp với trình độ phát triển kinh tế và quy mô dân số của tỉnh Kon Tum.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Nước sạch là loại hàng hoá mang tính chất dịch vụ, sản phẩm sản xuất ra được nhân dân và các ngành kinh tế tiêu thụ ngay. Cũng do tính độc quyền cao và đặc điểm của sản phẩm nên đã tạo được khá nhiều thuận lợi cho Công ty tiến hành hoạt động sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Tốc độ tăng trưởng của ngành nước gắn liền với mức độ gia tăng dân số và tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa đất nước. Năm 2017, dân số nước ta xếp thứ 14 trên thế giới, đã tăng 1,07% so với năm trước. Dự báo năm 2018, gia tăng dân số tự nhiên dự báo dương, dự kiến tăng trung bình 2.600 người mỗi ngày. Cùng với đó, tốc độ phát triển kinh tế ghi nhận

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

những thay đổi khởi sắc, GDP tăng 6,81% so với năm 2016. Trong 6 tháng đầu năm 2018, GDP ước tính tăng 7,08% so với cùng kỳ năm trước. Nền kinh tế phát triển, nhu cầu về nước sạch cũng sẽ tăng theo.

Ngày 22/12/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định phê duyệt điều chỉnh định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, đã đưa ra mục tiêu và các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2020 là:

- Tỷ lệ bao phủ dịch vụ cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại các đô thị từ loại IV trở lên đạt 95%, các đô thị loại V đạt 80% với tiêu chuẩn cấp nước 120 lít/người/ngày đêm, chất lượng nước đạt quy chuẩn kỹ thuật theo quy định; các khu công nghiệp được cấp nước đầy đủ theo yêu cầu áp lực và lưu lượng.

- Tỷ lệ hệ thống cấp nước khu vực đô thị lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 45%; tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch dưới 18% đối với các đô thị loại IV trở lên, dưới 25% đối với các đô thị loại V; dịch vụ cấp nước liên tục, đủ áp lực 24 giờ trong ngày đối với các đô thị loại IV trở lên và cấp nước phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tế đối với đô thị loại V.

Mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể đến năm 2025:

- Tỷ lệ bao phủ dịch vụ cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại các đô thị đạt 100%, với tiêu chuẩn cấp nước bình quân đạt 120 lít/người/ngày đêm, chất lượng nước đạt quy chuẩn quy định; các khu công nghiệp được cấp nước đầy đủ theo yêu cầu áp lực và lưu lượng.

- Tỷ lệ hệ thống cấp nước khu vực đô thị lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 75%; tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch tại các đô thị dưới 15%; dịch vụ cấp nước liên tục, đủ áp lực 24 giờ trong ngày.

Tầm nhìn đến năm 2050:

Đáp ứng mọi nhu cầu và bảo đảm cấp nước an toàn cho sinh hoạt và sản xuất của đô thị, khu dân cư tập trung và khu công nghiệp.

Nước sạch là thứ hàng hóa không thể thiếu được cho đời sống con người, và mọi hoạt động SXKD của các ngành, khi nền kinh tế ngày càng phát triển thì yêu cầu, đòi hỏi về vấn đề nước sạch ngày càng cao. Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch, đây là lĩnh vực mà cả người dân, Chính phủ và thế giới nói chung quan tâm. Hiện nay có rất nhiều Tổ chức tài trợ nhằm phát triển hệ thống cung cấp nước sạch cho xã hội, do vậy triển vọng phát triển của Công ty là rất lớn.

Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum là đơn vị chủ đạo cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Với nhu cầu sử dụng nước sạch ngày một gia tăng của dân cư trên địa

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

bán tính. Công ty có nhiều cơ hội mở rộng sản xuất, tăng doanh thu. Ngoài ra, với định hướng tập trung phát triển lĩnh vực truyền thông và có thể mạnh mẽ kinh doanh nước sạch và tìm công xây dựng và thiết kế các công trình cấp thoát nước ... tạo cơ hội và tiềm năng phát triển cho công ty trong tương lai.

7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

Đặc thù của lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cung cấp tình hình thực tế hiện nay của đất nước và thế giới đang chú trọng việc phát triển và bảo vệ môi trường thiên nhiên. Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum đã và đang chủ động tìm kiếm và khai thác khách hàng mới trong địa phương và tiến tới đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước cho các tuyến vùng sâu, vùng xa. Bên cạnh đó, Công ty cũng có chủ trương tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ công nhân viên để dịch vụ đạt hiệu quả cao, hạn chế tối đa các rủi ro, đảm bảo sự phát triển bền vững.

Định hướng phát triển của Công ty được xây dựng hoàn toàn phù hợp và đi đúng hướng với quan điểm và định hướng phát triển của ngành, dựa trên kết quả tìm hiểu nhu cầu thị trường về các lĩnh vực cấp nước cũng như định hướng chính sách của Nhà nước.

II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Tình hình tài sản, sử dụng đất

1.1. Tình hình sử dụng đất

Hiện nay, Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum đang sử dụng 04 khu đất với thông tin chi tiết từng khu đất như sau:

Bảng số 5: Bảng kê đất đai Công ty đang sử dụng tại thời điểm 01/10/2017

TT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)	Hồ sơ pháp lý, nguồn gốc nhà đất	Hiện trạng sử dụng đất
1	Số 182 đường Trần Phú, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	3.083,5	- Quyết định số 132/QĐ-UB ngày 18/10/1999 của UBND tỉnh Kon Tum; - Hợp đồng thuê đất số 05/HĐTD ngày 11/11/1999	Thuê đất 50 năm trả tiền hàng năm
2	Đường Ure, phường Trường Chinh, thành phố	7.899,6	- Quyết định số 181/QĐ-UB ngày 10/5/1997 của UBND	Thuê đất 50 năm trả

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

	Kon Tum, tỉnh Kon Tum		tỉnh Kon Tum; - HĐ thuê đất số 173/HĐ-TĐ ngày 17/9/1997	tiền hàng năm
3	Số 113 đường Đào Duy Từ, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	983,1	- Quyết định số 180/QĐ-UB ngày 10/5/1997 của UBND tỉnh Kon Tum; - HĐ thuê đất số 155/HĐ-TĐ ngày 17/9/1997.	Thuê đất 50 năm trả tiền hàng năm
4	Số 213 đường Trần Khánh Dư, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	1.037,5	- Quyết định số 990/QĐ-UB ngày 18/7/2004 của UBND tỉnh Kon Tum; - Hợp đồng thuê đất: Chưa có	Thuê đất 50 năm trả tiền hàng năm

(Nguồn: Quyết định số 477/QĐ-UBND của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt phương án sử dụng đất)

1.2. Tình hình tài sản Công ty đang sử dụng

Tình hình tài sản của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 01/10/2017 như sau:

Bảng số 6: Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 01/10/2017

Đơn vị: Đồng

TT	Loại tài sản	Giá trị sổ kế toán		Giá trị thực tế	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	TSCĐ ĐANG DÙNG	151.970.809.482	79.577.715.185	195.977.005.306	88.571.254.770
I	Tài sản cố định hữu hình	150.801.804.474	78.455.210.171	194.808.000.298	87.448.749.756
1	Nhà cửa vật kiến trúc	6.349.080.787	2.462.315.972	6.349.080.787	2.491.406.429
2	Máy móc thiết bị	142.132.223.687	75.473.149.237	185.917.419.511	84.410.043.327
3	Phương tiện vận tải	2.289.000.000	517.557.462	2.510.000.000	541.000.000
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	31.500.000	2.187.500	31.500.000	6.300.000
II	Tài sản vô hình	62.000.000	15.500.006	62.000.000	15.500.006
III	Chi phí xây	1.107.005.008	1.107.005.008	1.107.005.008	1.107.005.008

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

TT	Loại tài sản	Giá trị sổ kế toán		Giá trị thực tế	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
	dụng cụ bản đồ đang				
B	TSCĐ KHÔNG CẢN DỪNG	-	-	-	-
C	TSCĐ CHỜ THANH LÝ	-	-	-	-
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KT, PL	-	-	-	-
Tổng cộng		151.970.809.482	79.577.715.185	195.977.005.306	88.571.254.770

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp)

1.3. Tình hình nhà cửa, vật kiến trúc

Bảng số 7: Tình hình nhà cửa, vật kiến trúc tại thời điểm 01/10/2017

Đơn vị: Đồng

TT	Tên tài sản	Đơn vị	Số lượng	Giá trị sổ sách		Kiểm kê thực tế	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Bể chứa 1000 m ³	m ³	1.000	1.154.570.000	346.371.000	1.154.570.000	346.371.000
2	Tường rào trạm bơm I	m	48	41.294.400	12.388.320	41.294.400	12.388.320
3	Bể chứa và 2 hồ van (cũ)			1.192.760.208	357.828.062	1.192.760.208	357.828.062
3.1	Bể chứa nước 2	m ²	1000	-	-	1.154.570.000	346.371.000
3.2	Hồ van 1	m ²	7,5	-	-	7.306.800	2.192.040
3.3	Hồ van 2	m ²	31,7	-	-	30.883.408	9.265.022
4	Khu nhà điều hành SX và CT phụ trợ			2.631.607.754	1.146.862.215	2.631.607.754	1.136.794.499
	Nhà làm việc văn phòng	m ²	550,8	-	-	2.315.414.484	1.041.936.518
	Nhà để xe	m ²	77	-	-	144.907.070	43.472.121

PHƯƠNG AN CỔ PHẦN HÓA

TT	Tên tài sản	Đơn vị	Số lượng	Giá trị sổ sách		Kiểm kê thực tế	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	3	4	6	7	8	9
	Nhà bảo vệ	m ²	9	-	-	26.971.200	8.091.360
	Tường rào trước	m	135	-	-	144.315.000	43.294.500
5	Sân tập kết vật tư	m ²	684	131.998.320	33.991.200	131.998.320	39.599.496
6	Nhà phân xưởng nước đóng chai		201,6	737.465.560	337.811.520	737.465.560	368.732.780
6.1	Nhà	m ²	201,6	-	-	683.817.120	341.908.560
6.2	Sân bê tông	m ²	278	-	-	53.648.440	26.824.220
7	Tường rào trạm xử lý	m	263	274.184.075	138.425.781	274.184.075	137.092.038
8	Nhà hóa nghiệm	m ²	54,6	185.200.470	88.637.874	185.200.470	92.600.235

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp)

1.4. Tình hình máy móc, thiết bị

Bảng số 8: Tình hình máy móc, thiết bị tại thời điểm 01/10/2017

Đơn vị: Đồng

TT	Tên tài sản	Năm SD	Đơn vị	Số lượng	Giá trị sổ sách		Kiểm kê thực tế	
					Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	3	4		6	7	8	9
1	Công nghệ trạm bơm và công nghệ nước	1998	HT	1	1.949.679.219	584.903.766	2.099.154.626	629.746.388
2	Công nghệ trạm bơm I	1998	HT	1	1.778.229.660	533.468.898	1.914.560.601	574.368.180
3	Công nghệ trạm xử lý lắng lọc	1998	HT	1	1.848.783.000	554.634.900	1.990.523.030	597.156.909
4	Công nghệ lắng lọc đợt 1	1998	HT	1	109.438.560	32.831.568	117.828.850	35.348.655
5	Máy bơm (mới)	1998	Cái	1	9.450.000	9.450.000	8.190.000	8.190.000
6	Đường ống phân phối 300 + 400	1998	HT	1	3.594.475.548	718.895.110	3.090.079.630	679.817.519
7	Đường ống D100	1998	HT	1	594.745.203	118.949.041	511.287.395	112.483.227
8	Đường ống D300	1998	HT	1	4.676.811.026	935.362.205	4.020.536.040	884.517.929

PHƯƠNG AN CƠ PHÂN HÓA

TT	Tên tài sản	Năm SD	Đơn vị	Số lượng	Giá trị sổ sách		Kiểm kê thực tế	
					Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	3	4		6	7	8	9
	+ D400							
9	Đường ống D100	1998	HT	1	683.816.810	136.763.362	587.860.000	129.329.200
10	Đường ống D100 KaPaKoLong	1998	HT	1	233.727.289	46.743.458	200.929.434	40.185.887
11	Đường ống D200	1998	HT	1	633.140.183	126.628.037	544.294.587	108.858.917
12	Đường ống D150	1998	HT	1	428.505.162	85.701.032	368.375.040	73.675.008
13	Hệ thống kiểm định đồng hồ	2000	Bộ	1	200.000.000	40.000.000	150.000.000	30.000.000
14	Đường ống cấp nước Nguyễn Thiện Thuật	2002	HT	1	432.032.436	151.211.353	407.766.172	132.524.006
15	Mạng lưới chuyển tải và phân phối tuyến ống nước thô	2006	HT	1	38.150.392.00 0	17.930.228.65 6	61.538.136.54 2	24.922.943.30 0
16	Vật tư thiết bị thầu số 3 + 4	2007	Bộ	1	22.717.674.00 0	11.818.910.32 8	32.610.493.08 8	14.674.721.89 0
17	Vật tư thiết bị thầu số 2	2007	Bộ	1	8.981.950.000	4.672.875.480	12.893.301.44 2	5.801.985.649
18	Vật tư thiết bị thầu S2	2007	Bộ	1	10.681.935.00 0	5.557.295.688	15.333.575.70 8	6.900.109.069
19	Công trình thu, bê trộn cụm xử lý 5000 (gói thầu số 1)	2007	HM	1	3.035.592.604	1.482.609.164	3.365.402.000	1.514.430.900
20	Công trình đại điều hoà cụm xử lý 3000-4000 (gói thầu S2)	2007	HM	1	4.224.425.826	2.063.245.380	4.683.398.920	2.107.529.514
21	Đường ống D150 phường Trường Chinh	2009	HT	1	337.995.000	207.188.244	455.239.961	257.210.578
22	Tự điện trạm bơm 1	2011	Cải	1	65.000.000	8.417.641	50.000.000	10.000.000

PHƯƠNG ÁN CO PHÂN HÓA

TT	Tên tài sản	Năm SD	Đơn vị	Số lượng	Giá trị sổ sách		Kiểm kê thực tế	
					Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	3	4		6	7	8	9
23	Đường ống D150 phường Ngô Mỹ	2012	HT	1	1.402.971.000	1.045.673.118	2.590.473.200	1.554.283.920
24	Van chống va D150	2012	Cái	1	65.864.243	6.476.634	24.737.000	9.894.800
25	Van chống va D100	2012	Cái	1	41.891.130	4.119.419	33.728.000	13.491.200
26	Công trình làng nghề	2012	HT	1	1.444.972.000	1.078.279.024	2.645.068.104	1.587.040.863
27	Đồng hồ đo nước thô trạm bơm	2013	Cái	1	245.306.392	49.061.275	160.000.000	60.000.000
28	máy bơm nước trực ngang đầu rời	2014	Cái	1	45.045.455	18.018.168	40.000.000	18.000.000
29	Công Trình Mở Mang Hà Huy Tập	2015	HT	1	795.612.119	631.264.701	795.612.119	631.264.701
30	Hệ thống cấp nước khu dân cư phía bắc phường Trương Chính	2011	HT	1	569.619.298	410.125.895	342.997.850	185.218.839
31	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tại khu sân bay	2011	HT	1	2.300.940.903	1.817.743.313	2.247.585.185	1.213.696.000
32	Hệ thống cấp nước mạng cấp III	2005	HT	1	800.209.554	240.062.866	595.727.826	119.145.565
33	Hệ thống cấp nước mạng cấp III	2006	HT	1	1.080.876.784	399.924.410	847.471.456	182.206.363
34	Hệ thống cấp nước mạng cấp III	2007	HT	1	1.665.635.839	732.879.769	1.329.004.656	332.251.164
35	Hệ thống cấp nước mạng cấp III	2008	HT	1	2.293.999.752	1.330.519.856	1.794.062.107	556.159.253
36	Hệ thống cấp	2009	HT	1	1.999.142.394	1.299.442.556	1.564.790.552	578.972.304

PHƯƠNG ÁN CỎ PHÂN HÓA

TT	Tên tài sản	Năm SD	Đơn vị	Số lượng	Giá trị sổ sách		Kiểm kê thực tế	
					Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	3	4		6	7	8	9
	Thăng)							
47	Công trình thu mới Trạm Bơm I (thuộc dự án Nâng cấp và Mở rộng HTCN TP. Kon Tum	2017	HM	1	1.918.622.663	1.865.327.591	1.918.622.663	1.865.327.591
48	Hệ thống cấp nước mạng cấp III năm 2016	2016	HT	1	317.968.476	190.781.086	1.785.964.000	1.678.806.160
49	Hệ thống cấp nước mạng cấp III năm 2017		HT	1	212.730.038	170.184.030	1.269.947.000	1.269.947.000
50	Điều chỉnh theo quyết toán thuế					23.297.257		
51	Hệ thống cấp nước sinh hoạt khu dân cư phía Tây Bắc TP. Kon Tum	2016	HT	1	1.617.542.000	1.455.787.800	1.617.542.000	1.455.787.800
TỔNG CỘNG					142.132.223.687	75.473.149.237	185.917.419.511	84.410.043.327

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp)

1.5. Tình hình phương tiện, vận tải

Bảng số 9: Tình hình phương tiện, vận tải tại thời điểm 01/10/2017

TT	Tên tài sản	Đơn vị	Năm SD	Số lượng	Giá trị sổ sách		Kiểm kê thực tế	
					Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	3	4		6	7	8	9
1	Xe Mitsubishi Pajero (82K - 1049)	Chiếc	1999	1	690.000.000	142.067.784	750.000.000	150.000.000
2	Xe Ford Ranger bản tải (82K - 1618)	Chiếc	2004	1	619.000.000	135.700.000	780.000.000	195.000.000

PHƯƠNG AN CỔ PHẦN HÓA

TT	Tên tài sản	Đơn vị	Năm SD	Số lượng	Giá trị sổ sách		Kiểm kê thực tế	
					Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	3	4		6	7	8	9
3	Xe Ô tô cần cẩu 2,5 tấn (82B-0461)	Xe	2006	1	980.000.000	189.789.678	980.000.000	196.000.000
TỔNG CỘNG					2.289.000.000	517.557.462	2.510.000.000	541.000.000

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp)

1.6. Tình hình thiết bị dụng cụ quản lý

Bảng số 10: Tình hình thiết bị dụng cụ quản lý tại thời điểm 01/10/2017

TT	Tên tài sản	Năm SD	Đơn vị	Số lượng	Giá trị sổ sách		Kiểm kê thực tế	
					Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
1	2	3	4		6	7	8	9
1	Máy photo TOSHIBA 723	04/02 2013	Cái	1	31.500.000	2.187.500	31.500.000	6.300.000
TỔNG CỘNG					31.500.000	2.187.500	31.500.000	6.300.000

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp)

1.7. Tình hình về tài chính, công nợ

Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách Kế toán tại thời điểm 01/10/2017 như sau:

Bảng số 11: Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách Kế toán tại thời điểm 01/10/2017

(ĐVT: Đồng)

I. Các khoản phải thu	2.442.943.178
1. Phải thu ngắn hạn	2.442.943.178
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	915.398.179
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	649.951.000
- Phải thu ngắn hạn khác	877.593.999
2. Phải thu dài hạn	-
II. Nợ phải trả	29.910.393.111
1. Nợ ngắn hạn	7.857.275.928
- Phải trả người bán ngắn hạn	516.515.596
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	127.021.269

PHƯƠNG AN CỔ PHẦN HÓA

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	473.546.571
- Phải trả người lao động	1.933.542.283
- Chi phí phải trả ngắn hạn	27.272.727
- Phải trả ngắn hạn khác	2.537.565.549
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.241.811.933
2. Nợ dài hạn	22.053.117.183
- Phải trả dài hạn khác	-
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22.053.117.183

(Nguồn: BCTC tự lập tại thời điểm 30/09/2017 của Công ty)

1.8. Tình hình tài sản lưu động của Công ty

Bảng số 12: Tình hình tài sản lưu động tại thời điểm 01/10/2017

(ĐVT: Đồng)

I. Tiền và các khoản tương đương tiền	9.657.733.707
1. Tiền	5.532.550.466
2. Các khoản tương đương tiền	4.125.183.241
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	7.100.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.100.000.000
III. Phải thu ngắn hạn	2.442.943.178
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	915.398.179
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	649.951.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	877.593.999
IV. Hàng tồn kho	4.909.322.845
Hàng tồn kho	4.909.322.845

(Nguồn: BCTC tự lập tại thời điểm 30/09/2017 của Công ty)

1.9. Tình hình nguồn vốn của công ty

Bảng số 13: Tình hình nguồn vốn của công ty tại thời điểm 01/10/2017

(ĐVT: Đồng)

A. NỢ PHẢI TRẢ	29.910.393.111
I. Nợ ngắn hạn	7.857.275.928
1. Phải trả người bán ngắn hạn	516.515.596
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	127.021.269
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	473.546.571
4. Phải trả người lao động	1.933.542.283
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	27.272.727

PHƯƠNG AN CỔ PHẦN HÓA

6. Phải trả ngắn hạn khác	2.537.565.549
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.241.811.933
II. Nợ dài hạn	22.053.117.183
1. Phải trả dài hạn khác	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22.053.117.183
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	83.302.000.736
I. Vốn chủ sở hữu	83.302.000.736
1. Vốn đầu tư chủ sở hữu	24.230.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	1.888.955.318
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	54.440.567.732
4. Quỹ đầu tư phát triển	2.742.477.686
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-
TỔNG	113.212.393.847

(Nguồn: BCTC tự lập tại thời điểm 30/09/2017 của Công ty)

2. Tình hình các dự án đầu tư của Công ty

Bảng số 14: Tình hình các dự án đầu tư của Công ty tại thời điểm 01/10/2017

STT	TÊN DỰ ÁN	CÁC HẠNG MỤC TRIỂN KHAI TRONG DỰ ÁN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ (đồng)	ĐỊA ĐIỂM	TIẾN ĐỘ	NGUỒN VỐN	THỜI GIAN DỰ KIẾN HOÀN THÀNH
1.	Công trình Mạng lưới cấp nước thành phố Kon Tum: Lắp đặt hệ thống cấp nước đường Trần Văn Hai (đoạn Trạm Y tế phường Trường Chinh - Quốc lộ 24); đường Duy Tân (Quốc lộ 24) (đoạn Trần Văn Hai - Ruộng lúa) - thành phố Kon Tum, Kon Tum	- Đường ống HDPE D110 đường Trần Văn Hai (đoạn Trạm Y tế phường Trường Chinh - Quốc lộ 24) L = 845m. - Đường ống HDPE D110 đường Duy Tân (đoạn Trần Văn Hai - Ruộng lúa) L = 235m. - Thảo dỡ, hoàn trả gạch Block vỉa hè; 526m ²	1.052.734.356	Phường Trường Chinh TP. Kon Tum	Khởi công: 20/12/2017 Hoàn thành đưa vào sử dụng: 09/5/2018	Vốn khấu hao của công ty	Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

PHƯƠNG AN CƠ PHÂN HÒA

2	Mạng lưới cấp nước thành phố Kon Tum ; hạng mục : Lắp đặt HTCN đường Âu Cơ (đoạn Hoàng Thị Loan - Huỳnh Đăng Thợ); đường Huỳnh Đăng Thợ (đoạn Hai Bà Trưng - Đào Duy Anh) - phường Quang Trung, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	- Đường ống HDPE D110 đường Âu Cơ (đoạn Hoàng Thị Loan - Huỳnh Đăng Thợ) L = 528m. - Đường ống HDPE D90 đường Huỳnh Đăng Thợ (đoạn Hai Bà Trưng - Âu Cơ) L = 491m. - Đường ống PVC D90 đường Huỳnh Đăng Thợ (đoạn Âu Cơ - Đào Duy Anh) L = 489m. - Đường ống PVC D60 đường Huỳnh Đăng Thợ (đoạn Hai Bà Trưng - Đào Duy Anh) L = 989m. - Khoan ống qua đường có đường kính < D150mm; L=151m. - Khối lượng tháo dỡ bê tông: 59,75m³. - Lát sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch xi măng 30x30 (hoàn trả mặt bằng): 41,4m². - Khối lượng đất đào: 1.146,7m³. - Khối lượng đắp đất: 1.133,766 m³.	2.203.531.697	Phường Quang Trung, TP Kon Tum	Khởi công: 28/8/2017; Hoàn thành đưa vào sử dụng: 09/5/2018	Vốn khấu hao của công ty	
3	Mạng lưới cấp nước thành phố Kon Tum ; hạng mục : Lắp đặt HTCN đường Phan Đình Phùng (đoạn Bến Xe - Nguyễn Hữu Thợ ; đường Nguyễn Hữu	- Đường ống D160 HDPE đoạn Bến xe- Nguyễn Hữu Thợ L= 2312m - Đường ống D110 HDPE phía Nam Nguyễn Hữu Thợ- Phường Ngô Máy L= 1003m - Đoạn ống D168 thép tráng kẽm qua cầu Đăkcam L= 67m.	3.889.709.000	Phường Duy Tân; Phường Ngô Máy, TP Kon Tum	Quý III/ 2018	Nguồn vốn kế hoạch đưa vào sử dụng	Quý IV/2018



PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

	Thọ (đoạn Phan Đình Phụng – Phường Ngô Mây), TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum						
4	Trang bị máy móc thiết bị tại trạm bơm 1 thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum		1.389.766.400	Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.	Hoàn thành trong Quý III/2018	Vốn khấu hao của công ty	Quý III/2018
5	Trang bị máy móc thiết bị tại và trạm xử lý thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum		700.261.100	Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.	Hoàn thành trong Quý III/2018	Vốn khấu hao của công ty	Quý III/2018
6	Công trình : Nâng cấp và mở rộng Hệ thống cấp nước thành phố Kon Tum;	Gói thầu xây lắp số 01 (hạng mục: Cũn xử lý lắng lọc);	11.259.306.099	Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.	Đang triển khai thực hiện	Vốn vay quỹ phát triển (*)	Quý IV/2018
7	Công trình: Nâng cấp và mở rộng Hệ thống cấp nước thành phố Kon Tum	gói thầu xây lắp số 02 (hạng mục: bể chứa nước 1.000m ³ , nhà trạm bơm cấp 2)	2.893.792.000	Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.	Quý III/2018	Vốn vay quỹ phát triển (*)	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng đang quyết toán
8	Công trình: Nâng cấp và mở rộng Hệ thống cấp nước thành phố Kon Tum.	Gói thầu xây lắp số 03 (hạng mục: Cải tạo và mở rộng hệ thống mạng lưới cấp nước)	10.154.466.000	Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.	Quý IV/2018	Vốn vay quỹ phát triển (*)	Quý IV/2018
9	Công trình: Trụ sở làm việc Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum;	Hạng mục: Nhà hội trường công suất 130 chỗ ngồi và các phòng làm việc	3.324.960.865	Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.		Vốn khấu hao của công ty	Quý III/2018

PHƯƠNG AN CƠ PHẦN HÓA

10	Công trình cải tạo bể chứa 1000 m ³		759.486.973	Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum		Vốn khấu hao của công ty	Quý III/2018
11	Công trình Xây dựng hồ chứa nước thải sau xử lý		1.938.989.997	Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum		Vốn khấu hao của công ty	Quý IV/2018

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum)

() Danh mục tài sản dùng để thế chấp theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/HĐTD-ĐTPT giữa Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Kon Tum và Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum:*

TT	Tên tài sản	Ngày sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Thời gian sử dụng (tháng)	Thời gian còn lại (đến ngày 01/06/2017)
I. Tài sản thế chấp là máy móc thiết bị đang sử dụng						
1	Mạng lưới truyền tải và phân phối tuyến ống nước thô (ống ngang)	01/12/2006	Hệ thống	1	216	90
2	Vật tư thiết bị thấu số 3 + 4	01/04/2007	Bộ	1	216	94
3	Vật tư thiết bị thấu số 2	01/04/2007	Bộ	1	216	94
4	Vật tư thiết bị thấu S2	01/04/2007	Bộ	1	216	94
5	Đường ống D150 phường Trường Chinh	01/01/2009	Hệ thống	1	216	115
6	Đường ống D150 phường Ngô Mã	01/01/2012	Hệ thống	1	216	151
7	Đường ống cấp nước làng nghề	31/12/2012	Hệ thống	1	216	162
8	Đường ống cấp nước Hà Huy Tập	01/01/2015	Hệ thống	1	216	187
9	Hệ thống đường ống cấp nước đường Trần Văn Hai và Trần Phú	01/02/2016	Hệ thống	1	216	200

PHƯƠNG ÁN CƠ PHÂN HÓA

II. Tài sản thế chấp hình thành trong tương lai

1	Mạng lưới truyền tải và phân phối nước sạch Tuyến Phạm Văn Đồng + Nguyễn Văn Linh
2	Mạng lưới truyền tải và phân phối nước sạch Tuyến Nguyễn Huệ
3	Mạng lưới truyền tải và phân phối nước sạch Tuyến vào Trung tâm xã Đắc Cẩm

(Nguồn: Hợp đồng tín dụng số 01/2017/HĐTD-DIPT)

3. Tình hình về lao động của Công ty

Tổng số lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 77 người. Cơ cấu tổ chức và chất lượng lao động của Công ty như sau:

Bảng số 15: Cơ cấu tổ chức và chất lượng lao động của Công ty như sau

TT	Nội dung	Số lượng (người)
I	Phân theo cơ cấu tổ chức	77
1.	Chủ tịch Công ty	1
2	Kiểm soát viên	1
3	Ban Giám đốc	2
4	Kế toán trưởng	1
5	Phòng Tổ chức - Hành chính (bao gồm thủ kho, bảo vệ)	4
6	Phòng Kế toán – Tài vụ	6
7	Phòng Kỹ thuật – Vật tư	8
8	Phòng Kinh doanh (bao gồm Tổ ghi thu; Đội chống thất thoát và Phân xưởng nước đóng chai)	27
9	Đội lắp đặt	11
10	Trạm bơm I	8
11	Trạm xử lý	8
II	Phân theo tính chất hợp đồng lao động	
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	5
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	62
3	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 đến 36 tháng	10
4	Lao động làm việc theo HĐLĐ dưới 12 tháng	0
III	Phân theo giới tính lao động	
1	Lao động Nam	56
2	Lao động Nữ	21

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

IV	Phân theo trình độ lao động	
1	Đại học và trên đại học	23
2	Cao đẳng	2
3	Trung cấp	5
4	Sơ cấp, công nhân kỹ thuật, nghề	47
5	Lao động chưa qua đào tạo	0
V	Phân theo lao động gián tiếp, trực tiếp	
1	Gián tiếp	22
2	Trực tiếp	55

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum)

III. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

Giá trị thực tế doanh nghiệp theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm 01/10/2017 sau khi đã điều chỉnh theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp là: **113.212.393.847 đồng** (Bằng chữ: Một trăm mười ba tỷ hai trăm mười hai triệu ba trăm chín mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi bảy đồng).

Trong đó:

- Nợ phải trả: 29.910.393.111 đồng
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước theo số liệu sổ sách kế toán sau khi đã điều chỉnh theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp là: 83.302.000.736 đồng

Bảng số 16: Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 01/10/2017

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4	(5)=(4)-(3)
A	TÀI SẢN DÀI HẠN	103.942.588.341	113.212.393.847	9.269.805.506
I	Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	79.832.588.708	88.872.894.312	9.040.305.604
1	Tài sản cố định	78.470.710.177	87.464.249.762	8.993.539.585
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.107.005.008	1.107.005.008	-
4	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
5	Chi phí trả trước dài hạn	254.873.523	301.639.542	46.766.019
II	TSLD và đầu tư ngắn hạn	24.109.999.633	24.109.999.730	97
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	9.657.733.610	9.657.733.707	97

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu các định giá	Chênh lệch
1	2	3	4	(5)=(4)-(3)
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.100.000.000	7.100.000.000	-
3	Các khoản phải thu	2.442.943.178	2.442.943.178	-
4	Hàng tồn kho	4.909.322.845	4.909.322.845	-
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	229.499.805	229.499.805
B	TÀI SẢN KHÔNG CẢN DỪNG	-	-	-
C	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KT-PL	-	-	-
E	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C+D)	103.942.588.341	113.212.393.847	9.269.805.506
F	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP	103.942.588.341	113.212.393.847	9.269.805.506
F1	Nợ phải trả	29.910.393.111	29.910.393.111	-
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP (E - F1)	74.032.195.230	83.302.000.736	9.269.805.506

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp)

Theo văn bản số 3436/STC-TCĐN ngày 12/12/2017 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa về việc phê duyệt Phương án xử lý tài chính của Công ty TNHH MTV cấp nước Kon Tum và văn bản số 3404/UBND-KT ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Kon Tum về phương án xử lý tài chính của công ty, theo đó, Công ty TNHH MTV cấp nước Kon Tum có những tài sản không cần dùng có phẩm chất kém đã được UBND tỉnh cho phép loại khỏi giá trị doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30/9/2017 với tổng giá trị là 24.666.465 đồng và danh mục 03 tài sản cố định (hư hỏng) không còn giá trị, Công ty cổ phần hóa theo lộ trình sau khi cổ phần sẽ bàn giao lại Công ty mua bán nợ Việt nam theo quy định.



PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần;
- Căn cứ Thông tư 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- Căn cứ Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ quyết định về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016-2020.
- Căn cứ Quyết định số 704/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum;
- Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum;
- Căn cứ Quyết định số 103/QĐ-BCĐ ngày 29/9/2015 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum về việc thành lập Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum;
- Căn cứ Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 v/v phê duyệt giá trị Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum để cổ phần hóa;
- Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 6/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum khi chuyển sang Công ty cổ phần;
- Công văn số 3057/UBND-KT ngày 14/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum;
- Quyết định số 145/QĐ-BCĐ ngày 18/6/2018 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Tư vấn cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum;
- Văn bản số 2182/UBND-KT ngày 3/8/2018 về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum theo hướng Nhà nước sở hữu 35% vốn Điều lệ tại Công ty;
- Căn cứ chứng thư thẩm định giá số 416.1/C.T-ĐCSC ngày 30/7/2018 do Công ty cổ phần Tư vấn – Dịch vụ về tài sản – Bất động sản ĐÀ-TC thẩm định, giá khởi điểm 01 cổ phiếu của Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum.

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

2. Mục tiêu và ý nghĩa cổ phần hóa

Việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Kon Tum nhằm đạt được mục tiêu và ý nghĩa sau đây:

- Thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ chế kinh tế từ kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường theo hướng Xã hội chủ nghĩa của Nhà nước, trong đó, cổ phần hóa là nội dung quan trọng để chuyển đổi những Công ty 100% vốn Nhà nước sang loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu nhằm huy động các nguồn vốn của cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong nước và ngoài nước để tăng cường năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của mỗi doanh nghiệp.
- Tạo điều kiện huy động vốn từ nhiều nguồn để đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo thêm việc làm cho người lao động, ổn định và phát triển doanh nghiệp.
- Tạo điều kiện cho người lao động có cổ phần và các cổ đông Công ty trở thành người chủ thực sự của doanh nghiệp. Tăng cường sự giám sát của Nhà đầu tư đối với doanh nghiệp, minh bạch hóa hoạt động của doanh nghiệp, từ đó thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp bảo đảm hài hòa các lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, Nhà đầu tư và Người lao động.
- Không ngừng phát triển doanh nghiệp về mọi mặt nhằm nâng cao giá trị cổ phần, tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động cũng như lợi tức của các cổ đông và tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước góp phần tăng trưởng nền kinh tế của đất nước.

3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa

- Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của UBND tỉnh Kon Tum và các cơ quan ban ngành của tỉnh. Đây là điều kiện thuận lợi giúp Công ty xúc tiến nhanh hơn việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hóa;
- Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần;
- Ban lãnh đạo Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hóa cho người lao động cũng được thực hiện nghiêm túc, triệt để. Đồng thời chỉ đạo các phòng ban liên quan của Công ty phối hợp triển khai để quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp diễn ra thuận lợi và thành công.
- Tập thể người lao động của Công ty từ Ban lãnh đạo đến CBCNV đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hóa, mong muốn tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty sau giai đoạn cổ phần hóa.

4. Hình thức cổ phần hóa

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa và quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, hình thức cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum là: **"Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp"**.

5. Thông tin cơ bản về doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa

- Tên Công ty viết : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC KON TUM
bằng tiếng Việt
- Tên Công ty viết : KON TUMSUPPLY WATER JOINT STOCK
bằng tiếng nước ngoài : COMPANY
- Trụ sở chính : Số 182, đường Trần phú, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum
- Điện thoại : (0260) 3862.246
- Fax : (0260) 3861.805
- Email : capnuockontum@gmail.com
- Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa :

Bảng số 17: Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch	3600 (chính)
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
3	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
4	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
5	Đại lý, môi giới, đầu giá Chi tiết: Đại lý	4610
6	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
7	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn đầu tư, thiết kế công trình cấp thoát nước, giám sát công trình cấp thoát nước, dân dụng và công nghiệp	7110
	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: thiết kế công trình cấp thoát nước	7410
8	Bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
9	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	7452

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

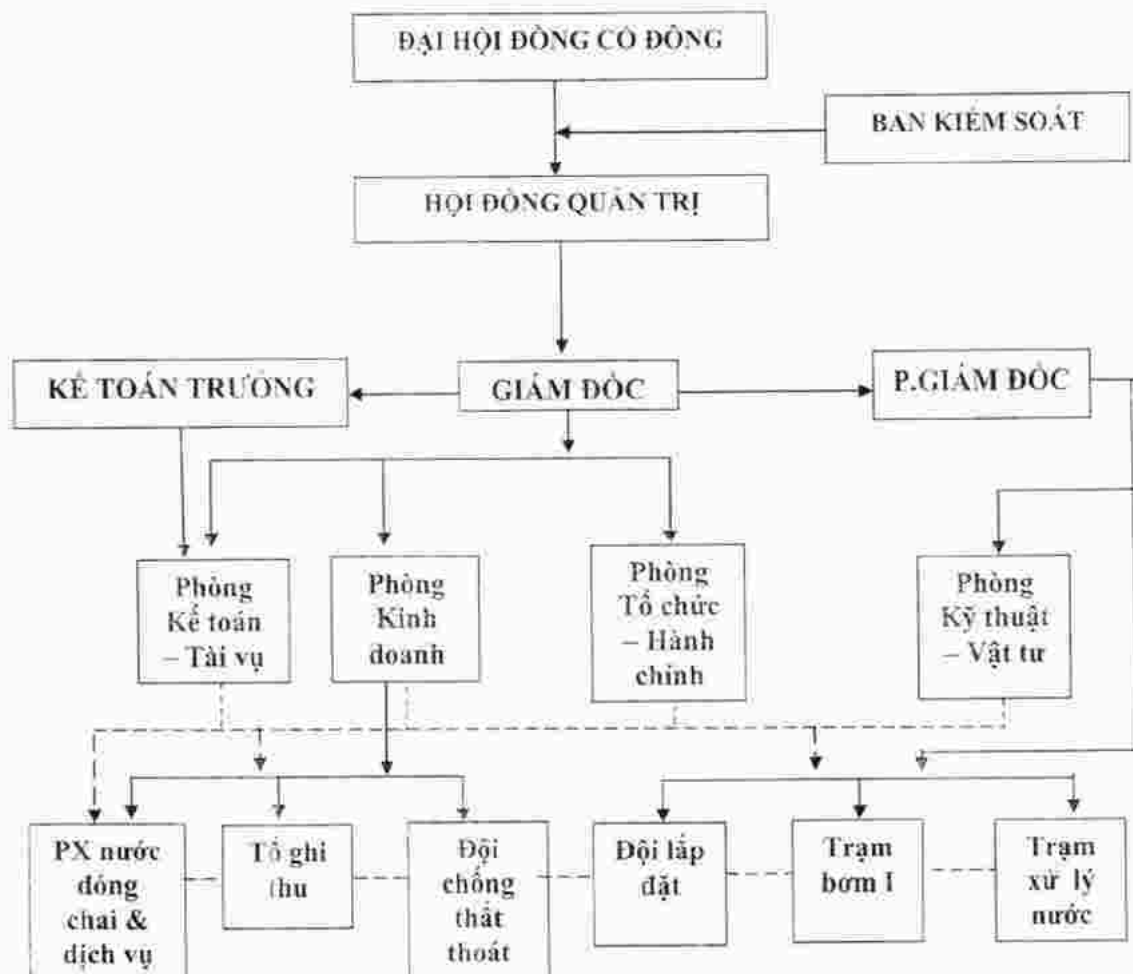
STT	Tên ngành	Mã ngành
10	Mua bán máy móc, thiết bị điện	Ngành, nghề chưa khớp với mã Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Kôn Tum)

6. Phương án sắp xếp lại doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa

6.1. Mô hình tổ chức của Công ty sau khi cổ phần hóa

Sơ đồ số 2: Cơ cấu tổ chức của Công ty sau khi cổ phần hóa



(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Kôn Tum)

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

6.2. Chức năng nhiệm vụ

✦ Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo.

✦ Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Hội đồng quản trị bầu ra Chủ tịch hội đồng quản trị, thay mặt Hội đồng quản trị thực hiện các công việc theo chức năng đảm bảo lợi ích cho việc SXKD có hiệu quả.

✦ Ban kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

✦ Ban Giám đốc

Ban Giám đốc công ty do Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm về các hoạt động của chính của công ty. Thành phần Ban Giám đốc bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.

Và các phòng ban Công ty:

✦ Phòng Kế toán tài vụ

- Thực hiện và đánh giá việc thực hiện kế hoạch tài chính; Đề xuất phương án sử dụng vốn của công ty và tham gia giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của Công ty.
- Trực tiếp thực hiện các chế độ, chính sách kế toán, tài chính, thống kê.
- Lập kế hoạch và thực hiện công tác quản lý thu – chi hằng tháng, quý, năm đảm bảo hoạt động SXKD có hiệu quả; cân đối nguồn thu, chi và điều hoà sử dụng vốn trong công ty, phát hành hoá đơn tài chính theo quy định.
- Lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế; Quản lý, lưu trữ, sử dụng, cung cấp thông tin, tài liệu kế toán theo quy định của pháp luật.
- Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và sổ sách kế toán thực

PHƯƠNG ÁN CÔ PHÂN HÓA

hiện việc ghi chép, theo dõi đầy đủ, chính xác toàn bộ tài sản, tiền vốn Công ty đang quản lý và sử dụng theo đúng quy định chế độ kế toán hiện hành.

- Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ và kiểm tra, giám sát tình hình thu chi tài chính, công nợ, quản lý và sử dụng tài sản, vật tư, nguồn vốn của các đơn vị, phòng ban trực thuộc Công ty;

- Thực hiện thanh toán tiền lương và các chế độ khác cho người lao động;

✚ Phòng Kinh doanh

- Tham mưu cho Ban Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đúng ngành nghề, đúng pháp luật, mang lại hiệu quả cao;

- Xây dựng chiến lược kinh doanh chung của Công ty theo từng giai đoạn: Ngắn hạn – Trung hạn – Dài hạn;

- Theo dõi, hỗ trợ, tổng hợp báo cáo cho Ban Giám đốc về tình hình hoạt động của toàn Công ty;

- Xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh theo tháng, quý, năm;

- Giám sát và kiểm tra chất lượng công việc, sản phẩm của các bộ phận khác nhằm mang đến khách hàng chất lượng dịch vụ cao;

- Có quyền nghiên cứu, đề xuất với lãnh đạo các chiến lược kinh doanh;

- Nghiên cứu đề xuất, lựa chọn đối tác đầu tư liên doanh, liên kết;

- Nghiên cứu về thị trường, đối thủ cạnh tranh

✚ Phòng Tổ chức – Hành chính

- Đối nội: công tác nội vụ của cơ quan, tiếp nhận, tổng hợp thông tin. Xử lý các thông tin theo chức năng, quyền hạn của phòng;

- Đối ngoại: tiếp khách, tiếp nhận tổng hợp các thông tin từ bên ngoài đến công ty. Xử lý các thông tin đó theo chức năng, quyền hạn của mình;

- Tổ chức hội nghị và các buổi khánh tiết của công ty;

- Soạn thảo văn bản, trình Giám đốc ký các văn bản đối nội, đối ngoại và phải chịu trách nhiệm trước giám đốc về giá trị pháp lý của văn bản đó;

- Phát hành, lưu trữ, bảo mật con dấu cũng như các tài liệu đảm bảo chính xác, kịp thời, an toàn;

- Tuyển dụng, quản lý nhân lực, điều động, chuyển chuyển người lao động;

- Giải quyết các chế độ chính sách đối với người lao động theo luật định và quy chế công ty;

- Theo dõi công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật của công ty;

- Lưu giữ và bổ sung hồ sơ CBCNV kịp thời, chính xác;

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- Tổ chức các lớp học, đào tạo bồi dưỡng kiến thức, nâng bậc thợ cho người lao động.
- Quản lý, điều hành phương tiện giao thông vận tải của Công ty phục vụ các chuyến đi công tác của Lãnh đạo, các đơn vị theo quỹ định của Công ty.
- Theo dõi tổng hợp và tham mưu đề xuất các khóa đào tạo cho CBCNV; làm đầu mối việc kiểm tra chuyên môn định kỳ và đột xuất của Công ty.
- Thực hiện các công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ trong toàn Công ty.

➤ Phòng Kỹ thuật – Vật tư

- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các công tác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Kiểm tra và hoàn tất các thủ tục về đầu tư XD/CB đối với các dự án của Công ty, tham mưu cho Ban Lãnh đạo Công ty về hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án đầu tư theo quy định của nhà nước và pháp luật;
- Tổ chức kiểm tra chất lượng hồ sơ và chất lượng thi công xây lắp các công trình do Công ty thi công hoặc làm chủ đầu tư, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc công ty về trình tự thủ tục trong đầu tư xây dựng cơ bản;
- Phòng Kỹ thuật – Vật tư có trách nhiệm tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong công tác quản lý kỹ thuật sản xuất, quản lý máy móc thiết bị, mạng lưới đường ống;
- Xây dựng, kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các đơn vị về chỉ tiêu kỹ thuật, định mức vật tư trong sản xuất; quy trình vận hành máy móc thiết bị, mạng lưới cấp nước trong sản xuất kinh doanh;
- Chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ các quy trình của công nghệ sản xuất, mạng lưới cấp nước và công tác khoa học kỹ thuật, áp dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất của Công ty;
- Kiểm tra, theo dõi công tác kỹ thuật trong sản xuất, thẩm định phương án duy tu bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị máy móc, mạng lưới cấp nước do các đơn vị đề nghị trình (làm doc phê duyệt);
- Thiết kế, lập các dự toán thi công, giám sát và nghiệm thu, kiểm tra các công trình lắp đặt đường ống cấp nước, các công trình sửa chữa và xây dựng cơ bản được giao;
- Kiểm tra chất lượng vật tư thiết bị, nguyên nhiên vật liệu do Công ty tự sản xuất và vật tư mua sắm bên ngoài.

6.3. Bố trí lao động

Bảng số 18: Kế hoạch sắp xếp lao động

TT	Nội dung	Tổng số (người)
I	Phân theo tính chất hợp đồng	71

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

TT	Nội dung	Tổng số (người)
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	1
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	60
3	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 đến 36 tháng	10
II	Phân theo giới tính lao động	71
1	Lao động Nam	56
2	Lao động Nữ	15

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum)

7. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

✦ Vốn điều lệ của Công ty cổ phần

Giá trị phần vốn nhà nước theo sổ sách kế toán của Công ty tại thời điểm 01/10/2017 sau khi đã điều chỉnh theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp là: 83.302.000.736 đồng (Bằng chữ: Tám mươi ba tỷ ba trăm linh hai triệu bảy trăm ba mươi sáu đồng).

Căn cứ:

- Khoản 1, điều 33 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần;
- Khoản 1 điều 13 Thông tư 41/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.
- Phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi cổ phần hóa
- Năng lực quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Bộ máy quản lý của Công ty
- Khả năng tự chủ và mối quan hệ hợp tác với các đối tác.

Công ty chọn hình thức cổ phần hóa là **"Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp"**

- Vốn điều lệ Công ty cổ phần dự kiến: 83.302.000.000 đồng
(Bằng chữ: Tám mươi ba tỷ ba trăm linh hai triệu đồng)
- Mệnh giá cổ phần là: 10.000 đồng/cổ phần.
- Tổng số cổ phần phổ thông là: 8.330.200 cổ phần.
(Bằng chữ: Tám triệu ba trăm ba mươi nghìn - 03 trăm cổ phần)

✦ Cơ cấu Vốn điều lệ dự kiến

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Bảng số 19: Cơ cấu Vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa

TT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Giá trị tính theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Vốn nhà nước Chủ sở hữu vốn: UBND tỉnh Kon Tum	2.915.570	29.155.700.000	35%
2	Bán ưu đãi cho người lao động	197.800	1.978.000.000	2,37%
2.1	<i>Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo số năm làm việc trong khu vực Nhà nước</i>	122.300	1.223.000.000	1,47%
2.2	<i>Cổ phần bán cho người lao động mua thêm theo số năm cum kết làm việc tại Công ty cổ phần</i>	75.500	755.000.000	0,91%
3	Cổ phần bán cho Công đoàn Công ty	3.000	30.000.000	0,04%
4	Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài (IPO)	5.215.830	52.138.300.000	62,59%
Tổng cộng		8.330.200	83.302.000.000	100,00%

8. Cổ phần Nhà nước sở hữu

Theo văn bản số 2182/UBND – KT ngày 03/08/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum sẽ chuyển thành Công ty cổ phần, Nhà nước nắm giữ 35% vốn điều lệ Công ty cổ phần, tương ứng sở hữu 2.915.570 cổ phần, tương đương 29.155.700.000 đồng.

Số cổ phần không bán hết (nếu có) sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 37 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ.

9. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần ưu đãi cho người lao động, phương thức bán cổ phần lần đầu:

9.1. Đối tượng mua cổ phần

Đối tượng mua cổ phần bao gồm: Người lao động của Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum, Tổ chức Công đoàn công ty, các Nhà đầu tư trong và ngoài nước mua cổ phần thông qua đấu giá.

9.2. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động

✦ Bán cổ phần cho Cán bộ công nhân viên theo thời gian thực tế làm việc trong Khu vực Nhà nước

Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần;
- Danh sách Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý của

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa ngày 01/10/2017:

- Biên bản họp Hội nghị người lao động;

Căn cứ khoản 1, Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần: người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa; người lao động của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa đã được cử xuống làm đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp khác chưa được hưởng chính sách mua cổ phần ưu đãi tại các doanh nghiệp khác được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước với giá bán bằng 60% giá trị 01 cổ phần tính theo mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần), tương ứng 6.000 đồng/cổ phần.

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (01/10/2017), tổng số lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty là 77 lao động. Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum đã lập danh sách lao động công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua ưu đãi theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước cụ thể như sau:

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty tại : 77 lao động
thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp
- Tổng số CBCNV được mua cổ phần ưu đãi theo thời gian : 77 lao động
thực tế làm việc tại khu vực nhà nước
- Tổng số CBCNV không được mua hoặc không mua cổ phần : 00 lao động
ưu đãi theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước
- Tổng số năm công tác trong khu vực nhà nước : 1.223 năm
- Tổng số cổ phần đăng ký mua theo thời : 122.300 cổ phần, tương đương giá trị
gian thực tế làm việc tại khu vực nhà 1.223.000.000 đồng tính theo mệnh giá.
nước chiếm 1,47% vốn điều lệ.
- Giá bán : 6.000 đồng/ cổ phần
- Hạn chế chuyển nhượng : 03 năm kể từ thời điểm nộp tiền mua cổ
phần ưu đãi.
- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho : Sau khi tổ chức Bán đấu giá cổ phần lần
người lao động đầu ra bên ngoài.

✦ **Bán cổ phần ưu đãi cho người lao động và người quản lý doanh nghiệp theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần**

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ - CP của Chính phủ



PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc chuyển doanh nghiệp 100% về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, quy định:

“Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần theo quy định sau

a) Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động, doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng và quyết định các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và phải được nhất trí thông qua tại Hội nghị người lao động của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa.”

Công ty đã tổ chức Hội nghị người lao động để phổ biến chính sách ưu đãi cho người lao động theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa và thông qua tiêu chí lao động chuyên gia giỏi.

- Tiêu chí lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ bao gồm:
 - + Lao động là Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng/ Phó các phòng ban của Công ty;

Các lao động không thuộc đối tượng lao động như trên phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

- + Người lao động có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên;
- + Người lao động có số năm công tác tại Công ty từ 02 năm trở lên tính theo thời điểm ký hợp đồng lao động;
- Tình hình đăng ký mua thêm cổ phần theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần của người lao động như sau:
 - Số lao động chuyển sang làm việc tại : 71 người
CTCP
 - Số lao động đăng ký mua cổ phần theo : 50 người
thời gian cam kết làm việc tại CTCP
 - Tổng số cổ phần người lao động đăng ký : 75.500 cổ phần, tương đương giá trị
mua thêm theo số năm cam kết 755.000.000 đồng tính theo mệnh giá,

338
ĐN
C.N.
THA
ÁP
ON
TUN

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

	chiếm 0,91% vốn điều lệ
- Giá bán	: Là giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần được UBND tỉnh phê duyệt.
- Hạn chế chuyển nhượng	: Hạn chế chuyển nhượng trong thời gian cam kết.
- Thời gian bán dự kiến	: Sau khi tổ chức Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài.

9.3. Cổ phần bán cho Công đoàn

Theo quy định điểm b khoản 2 Điều 33 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP thì Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp cổ phần hóa được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa (theo quy định tại Điều 26 Luật Công đoàn năm 2012; không huy động, vay vốn) để mua cổ phần nhưng không quá 3% vốn điều lệ. Số cổ phần này do tổ chức công đoàn nắm giữ nhưng không được chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần. Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 1/10/2017, Công ty có quỹ công đoàn. Số lượng cổ phần Công đoàn công ty đăng ký mua như sau:

- Tổng số cổ phần công đoàn công ty	: 3.000 cổ phần, tương đương giá trị 30.000.000 đồng tính theo mệnh giá, chiếm 0,04% vốn điều lệ
- Giá bán	: 10.000 đồng/cổ phần
- Hạn chế chuyển nhượng	: Hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 03 năm kể từ thời điểm công ty chuyển sang công ty cổ phần.
- Thời gian bán dự kiến	: Ngay sau khi phương án cổ phần hóa được phê duyệt, Công ty sẽ tiến hành thu tiền mua cổ phần của Công đoàn công ty.

9.4. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài

Tổng số cổ phần thực hiện bán ra bên ngoài như sau:

- Tổng số cổ phần bán đấu giá	: 5.213.830 cổ phần, giá trị tính theo mệnh giá 52.138.300.000 đồng, chiếm 62,59% vốn điều lệ Công ty cổ phần
- Giá khởi điểm đề xuất	: Là giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần được UBND tỉnh phê duyệt
- Đơn vị tư vấn bán đấu giá	: Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia
- Đơn vị tổ chức Bán đấu giá	: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội,
- Thời gian bán đấu giá	: Dự kiến trong tháng 9/2018, sau khi có Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

MTV Cấp nước Kon Tum.

- Đối tượng tham gia đầu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

10. Dự kiến chi phí cổ phần hóa

Công ty dự kiến tổng chi phí cổ phần hóa sẽ là: 813.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám trăm mười ba triệu đồng) bao gồm:

Bảng số 20: Chi phí cổ phần hóa dự kiến

(Đơn vị: đồng)

STT	Nội dung	Giá trị	Ghi chú
I	Các khoản chi trực tiếp tại doanh nghiệp	322.000.000	
1	Chi phí cho việc tập huấn nghiệp vụ về cổ phần hóa doanh nghiệp; chi phí hoạt động tuyên truyền	16.000.000	
2	Chi phí thuê kiểm toán Báo cáo tài chính tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần	55.000.000	
3	Chi phí cho việc tổ chức bán cổ phần	231.000.000	
4	Chi phí cho việc tổ chức ĐHĐCĐ lần đầu	20.000.000	
II	Thuê tổ chức tư vấn có chức năng thực hiện công tác có liên quan cổ phần hóa	291.000.000	
1	Tư vấn xác định giá doanh nghiệp	77.000.000	
2	Tư vấn xác định giá khởi điểm	60.000.000	
3	Tư vấn xây dựng phương án cổ phần hóa và dự thảo điều lệ công ty cổ phần, (ii) tư vấn xây dựng hồ sơ bán cổ phần qua Sở GD&ĐT và (iii) Tổ chức ĐHĐCĐ thành lập.	154.000.000	
III	Thù lao Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc		
1	Ban chỉ đạo: 05 người x 9 tháng x 2.500.000 đồng/người/tháng	112.500.000	
2	Tổ giúp việc: 05 người x 9 tháng x 1.500.000 đồng/người/tháng	67.500.000	
IV	Chi phí khác	20.000.000	
TỔNG CỘNG		813.000.000	

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum)

11. Kế hoạch sử dụng tiền thu được việc bán cổ phần

Căn cứ chứng thư thẩm định giá số 416.1/CT-DCSC ngày 30/7/2018 do Công ty cổ phần Tư vấn – Dịch vụ về tài sản – Bất động sản DATC thẩm định, giá khởi điểm 01 cổ phiếu của Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum tại thời điểm 30/06/2018 xác định giá khởi điểm chào bán cổ phiếu 12.661 đồng/cổ phiếu.

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Theo Biên bản họp thẩm định của Ban chỉ đạo ngày 8/8/2018 quyết định giá khởi điểm chào bán cổ phiếu làm tròn là 12.700 đồng/ cổ phiếu. Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của Nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước, kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán chi tiết như sau:

Bảng số 21: Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc bán cổ phần

Chỉ tiêu	Chú giải	Cổ phần	Giá bán	Giá trị (đồng)
Vốn Nhà nước trên sổ sách kế toán sau khi đã điều chỉnh lại	(1)			83.302.000.736
Vốn điều lệ Công ty cổ phần	(2)	8.330.200		83.302.000.000
Vốn Nhà nước tại công ty cổ phần		2.915.570		29.155.700.000
Tiền thu được từ cổ phần hóa	(3)			67.938.291.000
Bán cho CBCNV		197.800		1.692.650.000
- Mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước		122.300	6.000	733.800.000
- Mua theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần		75.500	12.700	958.850.000
Bán cho công đoàn		3.000	10.000	30.000.000
Bán đấu giá lần đầu		5.213.830	12.700	66.215.641.000
Giá trị chênh lệch vốn Nhà nước với vốn điều lệ công ty cổ phần	(4) = (1) - (2)			736
Chi phí cổ phần hóa	(5)			813.000.000
Chi giải quyết chính sách lao động dôi dư (*)	(6)			425.632.648
Số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Nhà nước	(7) = (3) + (4) - (5) - (6)			66.699.659.088

(*) Ngày 21/06/2018, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Kon Tum đã có văn bản số 908/SLĐTBXH-LĐTLBHXH về phương án sử dụng lao động và giải quyết lao động dôi dư khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum, theo đó, phê duyệt Tổng số lao động dôi dư là 06 người với tổng chi phí thực hiện là 425.632.648 đồng (bằng chữ: Bốn trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn sáu trăm bốn mươi tám đồng). Nguồn kinh phí được lấy từ tiền bán cổ phần lần đầu, trường hợp không đủ thì được bổ sung từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

PHẦN THỨ BA

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI LAO ĐỘNG

I. Kế hoạch sắp xếp lại lao động

Trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, phát huy được năng lực của người lao động, Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động như sau:

Bảng số 22: Phương án sắp xếp lao động sau cổ phần hóa

TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp	77	
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	5	
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	72	
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	62	
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	10	
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Công ty	0	
II	Số lao động nghỉ việc tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp		
1	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	0	
2	Số lao động sẽ chấm dứt HĐLĐ, chia ra:	0	
	- Hết hạn HĐLĐ	0	
	- Tự nguyện chấm dứt HĐLĐ	0	
	- Chấm dứt HĐLĐ với lý do khác theo quy định của Pháp luật	0	
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	6	
	- Số lao động đối dư thực hiện theo Nghị định số 63/2014/NĐ-CP	6	
	- Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm	0	
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần	71	
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	1	
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	70	

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
3	Số lao động nghỉ chế độ BHXH, chia ra:	0	
4	Số lao động đang nghỉ hưởng không lương	0	
5	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện HĐLĐ	0	

(Phương án sử dụng lao động Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum)

Sau khi chuyển đổi sang Công ty cổ phần, tổng cộng số lao động trong Công ty là 71 người.

- Đối với lao động không ký hợp đồng lao động (5 lao động): Chủ sở hữu sẽ bố trí sắp xếp công việc theo quy định của pháp luật;
- Đối với lao động ký hợp đồng lao động: Công ty sẽ chuyển và sử dụng toàn bộ số lao động hiện tại của công ty

Chi tiết cụ thể như sau:

Bảng số 23: Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ trọng (%)
Tổng số	71	
1. Phân theo loại hợp đồng lao động	71	100,00%
Không thuộc diện ký hợp đồng lao động	1	1,41%
Lao động làm việc theo HĐLĐ	70	98,59%
- HĐLĐ không thời hạn	60	84,51%
- HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	10	14,08%
2. Phân theo giới tính	71	100,00%
- Nam	56	78,87%
- Nữ	15	21,13%

(Phương án sử dụng lao động Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum)

2. Kế hoạch tuyển dụng

Dựa trên nhu cầu về nguồn nhân lực để đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa, Công ty sẽ bố trí sắp xếp vị trí, nhiệm vụ mới cho phù hợp đối với những lao động chuyển sang công ty cổ phần, đồng thời Công ty cũng sẽ tuyển dụng thêm những vị trí còn thiếu.

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

PHÂN THỬ TỰ

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC CẤP CỔ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT

Căn cứ quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum. Sau khi cổ phần hóa, tổng diện tích đất đã được UBND tỉnh cho thuê là 13.003,7 m² sẽ được giữ lại sử dụng khi chuyển sang công ty cổ phần.

Bảng số 24: Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa

STT	Địa chỉ	Kiểm kê		Phương án sử dụng đất khi CPH	
		Đơn vị	Diện tích	PA sử dụng đất	Hình thức sử dụng đất
1	Số 182 đường Trần Phú, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	m ²	3.083,5	Trụ sở chính của Công ty	Đất thuê trả tiền hàng năm
2	Đường Ure, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	m ²	7.899,6	Trạm xử lý nước	Đất thuê trả tiền hàng năm
3	Số 113 đường Đào Duy Từ, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	m ²	983,1	Trạm bơm I	Đất thuê trả tiền hàng năm
4	Số 213, đường Trần Khánh Dư, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	m ³	1.037,5	Đãi nước và văn phòng 1 của	Đất thuê trả tiền hàng năm
Tổng cộng:			13.003,7		

(Nguồn: Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum)

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

PHẦN THỨ NĂM

PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 10 NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Cơ hội và thách thức

❖ Cơ hội

- Trong những năm tới, cùng với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội nhu cầu nước sạch của người dân tăng rất cao. Đây là thuận lợi rất lớn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, tạo công việc cho CBCNV.
- Công ty có bề dày kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nước sạch nên tạo được sự tin tưởng của khách hàng đối với Công ty.
- Chuyển sang mô hình công ty cổ phần, sẽ giúp cho Công ty có được sự chủ động, tự chủ cao trong việc hoạch định cũng như thực hiện các chiến lược phát triển, đồng thời tăng cường tính linh hoạt, khả năng phản ứng nhanh nhạy trong quản trị, điều hành nhằm thích ứng với sự biến động của tình hình kinh tế, xã hội.
- Chuyển sang công ty cổ phần sẽ tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế khác tham gia vào quá trình tái cấu trúc và quản trị, điều hành công ty, hỗ trợ công ty trong việc đầu tư trang thiết bị hiện đại, hỗ trợ về vốn đầu tư khi cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy sự phát triển của công ty, đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, công ty và cổ đông.
- Tạo điều kiện cho nhà đầu tư có năng lực tài chính tham gia vào quản trị doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng quản trị, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh của Công ty.

❖ Thách thức

- Cùng với sự phát triển của khoa học - kỹ thuật, các kỹ thuật tiên tiến sẽ được áp dụng mới vào trong quá trình xử lý nước,... Tuy nhiên hiện tại, trình độ của đội ngũ CBCNV công ty chưa cao, sự tiếp thu cũng như áp dụng kỹ thuật hiện đại sẽ gặp khó khăn. Do vậy nếu không có chính sách đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn đội ngũ CBCNV, người lao động thì đây sẽ là rủi ro của Công ty trong tương lai.
- Cũng như các doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sang công ty cổ phần khác, Công ty hoạt động dưới mô hình do Nhà nước sở hữu 100% vốn, mọi quyết định, kế hoạch kinh doanh đều phụ thuộc vào chủ sở hữu. Do đó, việc thích nghi và vận hành tốt theo mô hình mới sẽ là một thách thức không nhỏ đối với Ban điều hành Công ty sau cổ phần hoá đặc biệt là sự xáo trộn, thay đổi lớn trong phương thức quản trị điều hành, đòi hỏi có một khoảng thời gian cho việc thích nghi.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mang tính xã hội hóa cao, phục vụ lợi ích

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

cộng đồng do với giá sản phẩm, dịch vụ cung cấp phụ thuộc vào chính sách của Nhà nước, tác động và ảnh hưởng đến kế hoạch và hiệu quả kinh doanh của công ty.

2. Định hướng phát triển của Công ty sau cổ phần hóa

Sau khi hoàn thành cổ phần hóa, công ty xác định tập trung tối đa nguồn lực cho ngành nghề chính là khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch, cụ thể:

- Tập trung đầu tư cho phát triển nguồn: Nâng hiệu quả khai thác và công suất xử lý nước cấp tại Nhà máy cấp nước để chủ động đáp ứng nhu cầu dùng nước tăng thêm của khách hàng hiện có, đồng thời cấp nguồn nước cho các khách hàng tại các khu vực mới.
- Tập trung đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước: Đầu tư mở rộng phạm vi bao phủ của hệ thống cấp nước công ty đang quản lý (mạng lưới đường ống cấp nước, truyền tải, phân phối, dịch vụ) phù hợp với quy hoạch cấp nước của tỉnh Kon Tum; lắp đặt thêm đồng hồ nước, tiến tới hạ giá thành lắp đặt thiết bị.
- Giảm tỷ lệ hao hụt, thất thoát: Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và cấp nước thì việc giảm tỷ lệ thất thoát, hao hụt nước trong quá trình truyền tải, cung cấp là vô cùng quan trọng. Do vậy, công ty luôn tập trung, chú trọng trong công tác kiểm tra, kiểm soát, nâng cấp hệ thống truyền tải nhằm giảm tỷ lệ hao hụt, thất thoát.
- Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh: Cùng cố năng lực thiết kế, thi công xây lắp chuyên ngành song song với lĩnh vực sản xuất cấp nước (là lĩnh vực hoạt động chủ yếu), Công ty cũng tiếp tục tăng cường năng lực, phát triển mở rộng thị phần trong lĩnh vực thiết kế, thi công các công trình cấp nước, tăng doanh thu trong lĩnh vực thiết kế, thi công xây dựng; phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh, các dịch vụ khác (sản xuất nước đóng bình, xây dựng cơ bản) nhằm đa dạng hoạt động, ngành nghề kinh doanh của công ty.
- Nâng cao năng lực quản trị: Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát trong hoạt động sản xuất kinh doanh để đạt hiệu quả cao. Ban hành các quy định, quy chế hoạt động, quy chế quản trị nội bộ, xây dựng các cơ chế liên quan đến công việc.

3. Mục tiêu hoạt động

- Đảm bảo an ninh nước sạch: Sản xuất và cung cấp nước sạch với chất lượng dịch vụ hoàn hảo, thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng và phát triển kinh tế xã hội của địa phương.
- Mở rộng và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh đối với những lĩnh vực, ngành nghề Công ty có lợi thế để nâng cao giá trị doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động.
- Cải tiến dây chuyền công nghệ, thay đổi phương pháp vận hành, đầu tư thêm trang thiết bị để nâng cao hiệu quả khai thác, xử lý nước tại các nhà máy đang được giao quản lý vận hành và trong tương lai được giao vận hành, tiết kiệm chi phí quản lý.

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- Chủ trọng lực lượng lao động chất lượng cao, sắp xếp, tổ chức lại bộ máy tinh gọn, đào tạo mới và đào tạo lại đội ngũ lao động. Áp dụng công nghệ thông tin vào điều hành và quản lý hợp lý, nhằm cải thiện môi trường làm việc để tăng năng suất lao động.
- Giữ vững và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài, vững chắc, tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả nhằm mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, thu lợi nhuận; tạo việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống của người lao động trong Công ty; đảm bảo sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng tốt, thường xuyên và ổn định; đảm bảo an sinh xã hội và phát triển cộng đồng.

4. Kế hoạch đầu tư sau cổ phần hóa

Bảng số 25: Kế hoạch đầu tư, xây dựng sau cổ phần hóa

(ĐVT: Nghìn đồng)

TT	Nội dung đầu tư	Kinh phí đầu tư dự kiến			
		Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Kế hoạch đầu tư XDCB	27.632.524	10.000.000	10.000.000	10.000.000
-	Công trình: Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước Thành phố Kon Tum (3 gói thầu xây lắp các hạng mục: Cụm xử lý lắng lọc; Bể chứa nước 1.000m ³ , nhà trạm bơm cấp 2; Cải tạo mở rộng hệ thống mạng lưới cấp nước)	24.307.564	-	-	-
-	Công trình: Trụ sở làm việc Công ty	3.324.960	-	-	-
-	Công trình: Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước Thành phố Kon Tum	-	10.000.000	10.000.000	10.000.000
2	Kế hoạch đầu tư/mua sắm trang thiết bị, máy móc	2.090.027	-	-	-

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

-	Trang thiết bị máy móc tại trạm bơm I	1.389.766	-	-	-
-	Trang thiết bị máy móc tại trạm xử lý nước	700.261	-	-	-

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum)

5. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hóa

Sau khi cổ phần hóa, mục tiêu quan trọng nhất của Công ty là đổi mới và củng cố lại quản trị công ty, sắp xếp lại nhân sự các phòng ban, ổn định hoạt động kinh doanh và giải quyết việc làm cho người lao động. Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hóa của Công ty cụ thể như sau:

Bảng số 26: Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần

(ĐVT: Nghìn đồng)

TT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Vốn điều lệ	83.302.000	83.302.000	83.302.000	83.302.000
2	Tổng Doanh thu	27.500.000	30.300.333	33.385.824	36.785.512
3	Tổng chi phí	25.050.000	27.339.103	29.837.388	32.563.970
4	Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	2.450.000	2.961.230	3.548.436	4.221.542
5	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	1.960.000	2.309.759	2.767.780	3.292.803
-	Quỹ Đầu tư phát triển (10%)	-	230.976	276.778	329.280
-	Quỹ Khen thưởng phúc lợi (5%)	-	115.488	138.389	164.640
-	Chia cổ tức	-	1.666.040	2.082.550	2.499.060
-	Lợi nhuận để lại tái đầu tư	-	297.255	270.063	299.823
6	LNST/Vốn điều lệ	-	2,77%	3,32%	3,95%
7	Tỷ lệ cổ tức chi trả (%)	-	2%	2,50%	3%
8	Lao động bình quân (người)	77	71	71	71
9	Tổng quỹ lương	9.648.017	9.914.620	10.931.010	12.051.593
10	Thu nhập bình quân của người lao động (người/ tháng)	10.442	11.637	12.830	14.145

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum)

6. Giải pháp thực hiện sau cổ phần hóa

➤ Giải pháp quản lý, sử dụng hiệu quả vốn, tài sản

Sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư (vốn ngân sách, vốn vay, vốn từ các nguồn khác...)

PHƯƠNG AN CỐ PHẦN HÓA

và tài sản, tập trung tối đa nguồn lực cho ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất và cung cấp nước sạch.

Thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa phòng ngừa các máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất, các dự án cải tạo di chuyển, thay thế mạng lưới đường ống cấp nước để duy trì hoạt động tốt tài sản hệ thống cấp nước, sử dụng đất đai có hiệu quả đúng mục đích.

✦ **Giải pháp chống thất thoát, thất thu**

Hiện tại, lượng nước thất thoát, thất thu trên hệ thống cấp nước công ty quản lý xác định chủ yếu là lượng nước thất thoát (rò rỉ trên mạng lưới đường ống cấp nước), lượng nước thất thu là không đáng kể (nước qua đồng hồ không thu được tiền). Công tác phòng chống thất thoát, thất thu nước sạch phải có kế hoạch cụ thể, đồng thời phải mang tính kết nối liên tục để đảm bảo tính bền vững, bao gồm các giải pháp đồng bộ, từ công tác quản lý kỹ thuật, quản lý khách hàng, đến đầu tư cải tạo hệ thống cấp nước, đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động.

✦ **Giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh**

- **Công tác sản xuất**

Rà soát tình trạng máy móc thiết bị, để có sự chủ động phòng ngừa, nguy cơ sự cố xảy ra do khách quan cũng như chủ quan. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước tại các trạm sản xuất. Duy trì khai thác sản xuất cấp nước ổn định, an toàn liên tục với chất lượng nước đảm bảo theo quy định.

Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật hệ thống cấp nước; ngoài việc duy trì kiểm soát đảm bảo an toàn cho hệ thống máy móc thiết bị trạm sản xuất và an toàn mạng lưới đường ống cấp nước, đặc biệt quan tâm công tác kiểm soát chất lượng nước và hệ thống đồng hồ đo đếm trên mạng đảm bảo khai thác hiệu quả các dữ liệu thông số hoạt động của mạng lưới cấp nước nước quản lý vận hành.

- **Công tác kinh doanh**

Tập trung công tác phát triển khách hàng trọng tâm vào các khu vực đã có hệ thống cấp nước, khu vực dự án mới đưa vào sử dụng, tỷ lệ các hộ sử dụng nước còn thấp để tăng lượng khách hàng sử dụng nước, tăng doanh thu phát huy hiệu quả đầu tư.

Tăng cường công tác kiểm soát chống thất thu tiền nước, áp giá đúng mục đích sử dụng theo đơn giá được tính ban hành đảm bảo tỷ lệ tăng trưởng doanh thu hằng năm.

- **Công tác thanh kiểm tra:**

Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát đảm bảo an toàn hệ thống cấp nước; thanh kiểm tra xử lý đúng quy định các trường hợp vi phạm quy chế sử dụng nước.

- **Công tác khoa học công nghệ:**

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Ứng dụng các thiết bị công nghệ, thiết bị hiện đại tiên tiến vào công tác quản lý kỹ thuật hệ thống cấp nước như xây dựng bản đồ mạng lưới cấp nước quản lý trên máy tính, xây dựng phần mềm chương trình quản lý tài sản hệ thống cấp nước, các phần mềm nội bộ phục vụ công tác tài chính, tổ chức lao động, tiền lương.

Nghiên cứu đề xuất, đưa các vật tư thiết bị đường ống và phụ tùng với vật liệu mới có độ bền và an toàn cao hơn vào sử dụng trong công tác cải tạo thay thế mạng lưới cấp nước giảm nguy cơ rò rỉ gây thất thoát nước, tăng mức độ an toàn của mạng lưới cấp nước đảm bảo cấp nước an toàn.

- Công tác Đảng, đoàn thể

Xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành. Các đoàn thể: Công đoàn, Đoàn thanh niên thường xuyên phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đưa ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh Công ty đề ra; động viên tinh thần đối với người lao động để họ yên tâm thi đua lao động sản xuất; phát động các phong trào thi đua, động viên khen thưởng kịp thời về vật chất và tinh thần cho các tập thể cá nhân hoàn thành sắc nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở trong công ty.

- Công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần người lao động

Thực hiện tốt các chế độ chính sách mới của nhà nước và Công ty ban hành, trước hết là các chế độ chính sách liên quan đến người lao động.

Tiếp tục duy trì và tổ chức các hoạt động tập thể như: Thăm hỏi, động viên các gia đình CBCNV có hoàn cảnh khó khăn; tổ chức các đợt tham quan học tập, nghỉ mát, giao lưu để trao đổi kinh nghiệm về quản lý sản xuất; quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động bằng cách thường xuyên tổ chức các hoạt động phong trào; Thể dục thể thao, văn hoá, văn nghệ.

+ Giải pháp về nâng cao năng lực quản lý

Sau khi cổ phần hóa cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ về mọi mặt để đảm bảo rằng mọi kế hoạch đã được đưa ra và thông qua phải được thực hiện một cách nghiêm túc, có chất lượng. Điều này sẽ tạo ra tính kỷ luật trong quản lý, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của người quản lý.

Trên cơ sở Điều lệ được thông qua, Công ty sẽ hoàn thiện các Quy chế, Quy trình nghiệp vụ phù hợp với các quy định của Nhà nước và pháp luật theo hướng khuyến khích, tạo điều kiện chủ động, phát huy tính sáng tạo của các bộ phận quản lý và đơn vị trực thuộc. Trong đó, Công ty sẽ ưu tiên xây dựng quy chế trả lương và quy chế quản lý tài chính nội bộ. Hoàn thiện tổ chức và nâng cao hiệu quả bộ máy của Công ty: tiếp tục bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động, hệ thống quy chế quản lý cho phù hợp với mô hình tổ chức

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

công ty cổ phần, phù hợp với chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước và cơ chế thị trường.

Tăng cường áp dụng những chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại có hiệu quả cao, kiện toàn bộ máy quản lý, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.

✦ Giải pháp về nhân sự và lao động

Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ hoạt động theo Luật doanh nghiệp dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc. Việc thành lập HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc sẽ tuân theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và quy định hiện hành về Công ty cổ phần; Cơ sở hoạt động của Công ty cổ phần là Điều lệ, trên cơ sở tôn trọng pháp luật và các quy định có liên quan.

Cơ cấu quản lý và bộ máy tổ chức Công ty cũng sẽ được sắp xếp, tinh giản ở mức hợp lý nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả. Việc sử dụng lao động sau khi chuyển sang Công ty cổ phần thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Sử dụng tối đa số lao động hiện có tại thời điểm cổ phần hoá, trên tinh thần tinh gọn, hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu và định hướng hoạt động trong tương lai của Công ty.
- Chọn lựa cán bộ có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức để xem xét đưa vào danh sách cán bộ quy hoạch dự bị nhằm chủ động có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nguồn cán bộ kế thừa.
- Quy hoạch điều động nguồn nhân lực trong nội bộ Công ty, thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực.
- Đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp đồng thời tạo môi trường và điều kiện làm việc ngày càng tốt hơn cho người lao động; xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp.
- Công ty cũng sắp xếp lại và củng cố nhân sự một số phòng ban để tập trung thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng hệ thống bảng lương chức danh đúng với năng lực trình độ của CBCNV nhằm có cơ sở phân phối thu nhập phù hợp với việc sử dụng lao động. Cơ sở này sẽ tạo nên động lực lớn để các cá nhân trong tổ chức phấn đấu, tập trung hoàn thành nhiệm vụ được giao đồng thời cũng nâng cao thu nhập của CBCNV giúp cuộc sống của họ được ổn định hơn.
- Song song với việc sắp xếp và củng cố lao động, công tác đào tạo và việc tuyển dụng mới cũng được Ban lãnh đạo Công ty rất chú trọng. Hoạt động này nhằm bố trí sắp xếp lại lao động phù hợp với chuyên môn, sở trường, tận dụng có hiệu quả một cách triệt để nguồn nhân lực của Công ty.



PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Nâng cao chất lượng đội ngũ từ cán bộ quản lý đến người lao động bằng các biện pháp tuyển dụng lao động trẻ, có trình độ, tay nghề và phẩm chất tốt về làm việc. Sử dụng các chế độ đãi ngộ xứng đáng và tạo các mục tiêu phấn đấu cho người lao động. Nâng cao trình độ nhận thức, tay nghề cho công nhân lao động trực tiếp bằng các đợt tập huấn, nâng bậc, Đào tạo đội ngũ công nhân trẻ để thay thế cho những người không đảm bảo được yêu cầu công việc. Tạo môi trường cạnh tranh trong Công ty để toàn thể cán bộ, công nhân viên, người lao động luôn luôn phải cố gắng tự học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn.

Công ty tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách với người lao động như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. Trên cơ sở đánh giá năng lực chuyên môn, kinh nghiệm làm việc, những chính sách đãi ngộ phổ biến tại các công ty cổ phần hiện nay như: phát hành cổ phiếu giá ưu đãi - cổ phiếu thưởng cho cán bộ công nhân viên có thể được đưa ra xem xét tạo động lực, khuyến khích tinh thần làm việc cho người lao động.

Đẩy mạnh phong trào thi đua, lao động sản xuất, luôn khuyến khích tinh thần lao động của CBCNV, có phần thưởng cho cán bộ lao động tốt, tuân thủ kỷ luật, có sáng tạo góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty, nâng cao năng suất lao động, nâng cao khả năng cạnh tranh.

★ Quản lý nguồn vốn và tài chính

Để thực hiện kế hoạch ổn định và phát triển của Công ty cổ phần trong giai đoạn sau cổ phần hóa, Công ty sẽ đầu tư cho một số phần việc cụ thể sau:

- Tiếp tục duy trì năng lực hiện có của Công ty để đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn sau quá trình cổ phần hóa. Đồng thời tiến hành lộ trình tái cơ cấu nguồn vốn dần dần trong khoảng từ 3 – 5 năm, đảm bảo khả năng thanh toán và khả năng tự chủ về tài chính là tối ưu nhất. Trên cơ sở xây dựng các phương án sản xuất kinh doanh, quản lý dòng tiền cũng như chiến lược phù hợp để có thể nâng cao uy tín cũng như thương hiệu của Công ty sau cổ phần hóa;

- Đối với công tác huy động vốn: Đưa ra các biện pháp để thu hút vốn đầu tư của các tổ chức, kinh tế, xã hội; Tăng cường mối quan hệ với các tổ chức tín dụng, ngân hàng nhằm đáp ứng kịp thời những khoản vốn cho hoạt động kinh doanh, đầu tư; huy động vốn từ các đối tác khác;

- Đối với công tác theo dõi công nợ: Công ty sẽ tăng cường những biện pháp quản lý theo dõi nợ phải thu. Rà soát, kiểm tra đốc thúc thu hồi công nợ nhằm đảm bảo sự luân chuyển tốt và nâng cao tốc độ quay vòng vốn lưu động cho Công ty. Với các khoản nợ phải trả thì cần phải rà soát ưu tiên cho việc thanh toán và trả các khoản nợ đến hạn, cơ cấu lại



PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

các khoản nợ theo lộ trình, cam kết, từng bước hoàn thiện các cân cân về tỷ số tài chính.

- Đối với hoạt động đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh: Thực hiện việc thanh lý các máy móc, thiết bị, tài sản không có nhu cầu sử dụng hoặc lạc hậu, xây dựng, cải tạo, mở rộng quy mô nhà xưởng chế biến, đầu tư và mua sắm máy móc, thiết bị đảm bảo chất lượng, hiện đại phục vụ hoạt động sản xuất.

- Đối với quá trình kiểm soát chi phí: Triển khai các biện pháp xây dựng dự toán chi phí, định mức nguyên nhiên liệu, nhân công. Xây dựng các quy chế quản lý về chi phí, đảm bảo các định mức sản xuất phù hợp cho từng loại sản phẩm. Tiến hành xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo tiết kiệm chi phí, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu từ đó để giảm giá thành sản xuất, nâng cao lợi nhuận, tăng cường sức cạnh tranh, thực hiện các chính sách thương mại, phát trọng việc thực hiện tiết kiệm chi phí, tuyên truyền, phổ biến thực hành tiết kiệm trong toàn Công ty.

4. Giải pháp tiết kiệm chi phí

- Đối với các nhà máy nước, trạm bơm: Đầu tư cải tiến dây chuyền công nghệ, nâng cấp, điều chỉnh hương pháp vận hành để chi phí sản xuất thấp nhất nhưng vẫn đảm bảo chất lượng nước đạt quy chuẩn.

- Đối với công tác đầu tư và dịch vụ xây lắp: Thực hiện tốt các bước trong quy trình quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên thứ tự hiệu quả đầu tư, sử dụng nội lực của đơn vị là chính.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bổ sung đủ nhân lực, tiến hành sắp xếp cải tiến công việc, định mức lại công việc và thực hiện khoán quỹ lương cho các Xi nghiệp, tổ đội sản xuất.

- Xây dựng hoàn thiện các quy chế về quản lý nội bộ trong doanh nghiệp.

7. Kế hoạch đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tại Điều 11 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 hướng dẫn việc công khai thông tin và niêm yết trên thị trường chứng khoán:

"Khi lập hồ sơ bán đầu, giả cổ phần lần đầu ra công chúng, doanh nghiệp cổ phần hóa đồng thời phải lập hồ sơ đăng ký lưu ký và hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết trên Thị trường chứng khoán (nếu doanh nghiệp cổ phần hóa đủ điều kiện niêm yết theo quy định của pháp luật về chứng khoán).

Trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

Cơ quan đại diện chủ sở hữu quy định việc cổ phần hóa đồng thời với việc niêm yết

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

trên thị trường chứng khoán trong phương án cổ phần hóa để công bố cho các nhà đầu tư biết trước khi bán cổ phần lần đầu”.

Thực hiện theo quy định của pháp luật như trên về việc đăng ký cổ phiếu sau khi cổ phần hóa, cổ phiếu của Công ty cổ phần Cấp nước Kôn Tum dự kiến sẽ được đăng ký giao dịch Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đồng thời với việc đăng ký chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng và đăng ký giao dịch bổ sung số lượng cổ phiếu chào bán cho các đối tượng khác sau khi hoàn thành việc cổ phần hóa chuyển thành công ty cổ phần.

11/1
TU
VUA
NH
H
G

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

PHẦN THỨ SÁU:

RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro kinh tế

Gia nhập tổ chức Thương mại Thế giới WTO từ năm 2007, nền kinh tế Việt Nam đã có những bước tăng trưởng tích cực nhờ các chính sách kinh tế thế giới và việc mở rộng giao lưu và hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, bên cạnh thuận lợi do ký kết các hiệp định thương mại thì việc cạnh tranh ngày càng tăng cao, các doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam gia tăng, gây khó khăn thách thức với các doanh nghiệp trong nước.

Trong năm 2017, kinh tế vĩ mô của Việt Nam ngày càng ổn định và lấy lại được đà tăng trưởng khá cao. Năm 2017, tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tính tăng 6,81% so với năm 2016; cao hơn mục tiêu 6,7% đề ra và mức tăng trưởng này cao nhất trong giai đoạn 10 năm trở lại đây. Tuy nhiên, ngoài những tín hiệu tích cực trên, nền kinh tế nào cũng chứa đựng một số rủi ro nhất định. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là i) tốc độ tăng trưởng kinh tế và ngành xuất bản; ii) tỷ lệ lạm phát và iii) tỷ lệ lãi suất. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

2. Rủi ro luật pháp

Việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới liên quan đến hoạt động của ngành có ảnh hưởng tới Công ty. Mặc dù trong những năm qua, Việt Nam đã cố gắng xây dựng và đã hình thành nên một môi trường pháp lý khá cởi mở, nhưng hành lang pháp lý của nước ta chưa thật sự hoàn chỉnh và ổn định, do đó ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Sau khi cổ phần hóa, hoạt động của Công ty vừa chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Tuy nhiên, hệ thống luật pháp Việt Nam chưa đồng bộ, đang trong quá trình hoàn thiện mới, các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn cũng chưa thật đầy đủ, thị trường chứng khoán là lĩnh vực còn rất mới mẻ mà doanh nghiệp cũng như nhà đầu tư chưa thực sự am hiểu để thực hiện đúng. Do đó nếu có sự thay đổi thì sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình giao dịch cổ phiếu của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

✦ Rủi ro từ nguồn nước tự nhiên khai thác:

- Nguồn nước tự nhiên là nguyên liệu đầu vào để sản xuất nước sạch được Công ty khai

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

thác từ các sông, nhánh sông trong khu vực. Tuy nhiên, nguồn nước sông phụ thuộc vào thượng nguồn, vào sự điều tiết của các đập thủy điện thượng lưu nên không ổn định. Do đó, Công ty cổ phần Cấp nước Kon Tum có thể gặp các rủi ro từ điều kiện tự nhiên của nguồn nước bị thay đổi. Sự thay đổi về chất lượng và lưu lượng nước thô ảnh hưởng rất lớn đến quá trình xử lý và sản xuất nước sạch.

- Hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp phát triển nhanh chóng cũng kéo theo nguy cơ ô nhiễm nguồn nước cao. Các nhà máy sản xuất chưa có hệ thống xử lý nước thải phù hợp, hoạt động sản xuất nông nghiệp sử dụng nhiều chất hóa học như phân bón, thuốc trừ sâu, gây nguy cơ ô nhiễm nguồn nước. Những năm gần đây, thời tiết thay đổi khá thất thường, mùa khô kéo dài, nguồn nước sạch bị nhiễm mặn, nhiễm cứng do đó ảnh hưởng đến nguồn nước thô cung cấp.

- Để ngăn ngừa các rủi ro trên, Công ty cần tập trung hơn nữa phát triển quy trình vận hành xử lý nước để đảm bảo được chất lượng nước sạch cung cấp cho khách hàng sử dụng.

✦ **Rủi ro thất thoát nước:**

- Do hệ thống đường ống nước nhiều tuyến đã được đầu tư từ khá lâu, tại thời điểm dân cư còn thưa thớt. Hệ thống ống nước đã được sử dụng lâu năm, có thể mang những rủi ro về hỏng hóc, vỡ đường ống,... gây thất thoát nước. Ngoài ra, đến thời điểm hiện tại, khi tốc độ đô thị hóa phát triển nhanh, mật độ dân số tăng cao làm cho việc quản lý, cải tạo và sửa chữa hệ thống đường ống cũ ở một số khu vực gặp khó khăn và tốn chi phí lớn.

- Hiện nay, Công ty đang ứng dụng và nghiên cứu phát triển hơn nữa các kỹ thuật tiên tiến trong công tác quản lý hệ thống cấp nước nhằm giảm thiểu tình trạng thất thoát nước

- Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch mang tính chất phục vụ là chủ yếu nên phụ thuộc rất nhiều vào ý thức của người dân.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Sau hơn 25 năm ra đời và đi vào hoạt động, thị trường chứng khoán Việt Nam đã đạt được một số thành công nhất định như quy mô thị trường tăng dần qua các năm. Tuy nhiên bên cạnh đó còn tồn tại nhiều vấn đề bất cập như quy mô thị trường chưa tương xứng với tiềm năng phát triển, sản phẩm còn nghèo nàn, kiến thức của nhà đầu tư về thị trường chứng khoán còn hạn chế, nhà đầu tư hành động chủ yếu theo đám đông,...

Với thực trạng hiện nay, thị trường chứng khoán Việt Nam đang trong thời kỳ điều chỉnh do chịu ảnh hưởng tiêu cực từ sự suy giảm kinh tế chung. Mặt khác, tâm lý của các nhà đầu tư chưa thật sự ổn định, đang chờ đợi những động thái tích cực hơn của Chính phủ và dấu hiệu lạc quan hơn từ nền kinh tế, dẫn đến tình hình giao dịch của cổ phiếu cả trên thị trường niêm yết và thị trường OTC không thật sôi động. Do đó việc chào bán cổ phần ra

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

công chúng vào thời điểm này sẽ gặp một số khó khăn và điểm bất lợi nhất định. Tuy nhiên, những phản ứng tích cực của nền kinh tế với các chính sách điều tiết của Chính phủ thời gian gần đây và niềm tin dường như phần nào được lấy lại nơi các nhà đầu tư có thể hứa hẹn sự trở lại sôi động hơn của thị trường chứng khoán thời gian sắp tới.

Cổ phiếu của Công ty chưa được đưa vào giao dịch tập trung nên tính thanh khoản thấp hơn so với các Công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực có cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch. Đợt chào bán cổ phần của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán niêm yết tại thời điểm chính thức đầu giá, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần của Công ty.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD của Công ty.



PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

PHẦN THỨ BẢY

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Các bước tiến hành sau khi phương án được duyệt

Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum được UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt, Công ty sẽ tổ chức thực hiện các công việc theo kế hoạch cụ thể như sau:

- Tổ chức bán đấu giá cổ phần cho các nhà đầu tư bên ngoài theo phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt và tổ chức thu tiền của các Nhà đầu tư trúng đấu giá.
- Tổ chức việc đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty tại sàn giao dịch Upcom đồng thời với việc đăng ký bán đấu giá cổ phần cho các Nhà đầu tư.
- Tổ chức bán cổ phần cho cán bộ công nhân viên theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.
- Tổ chức bán cổ phần cho công đoàn công ty theo quy định tại điểm b, khoản 2 điều 33 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.
- Xử lý số cổ phần không bán hết (nếu có).
- Báo cáo kết quả bán cổ phần ra bên ngoài cho Ủy ban nhân dân Tỉnh Kon Tum sau khi hoàn thành việc bán cổ phần.
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập sau khi hoàn thành việc bán đấu giá cổ phần.
- Đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kon Tum sau khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần.
- Tiến hành các thủ tục quyết toán, bàn giao vốn và tài sản sang công ty cổ phần.

2. Kiến nghị

Để sớm ổn định tổ chức và kinh doanh sau khi chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum kính đề nghị UBND tỉnh Kon Tum và các Sở/Ban ngành ban hành các quy định, chính sách phù hợp để các doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh mang tính chất phục vụ là chủ yếu khi mới chuyển đổi sang Công ty cổ phần hoạt động được thuận lợi, ổn định, cụ thể:

Thứ nhất, để quá trình cổ phần hóa thành công và nhanh chóng đi vào hoạt động ổn định, Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum kính đề nghị Ban chỉ đạo cổ phần hóa, Ban Đổi mới và quản lý doanh nghiệp tỉnh và UBND tỉnh Kon Tum cho ý kiến về việc sớm phê

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

đuyệt phương án cổ phần theo hình thức, quy mô và cơ cấu vốn điều lệ mà doanh nghiệp đã cân nhắc và lựa chọn phù hợp với chủ trương định hướng của Đảng và Nhà nước.

Thứ hai. UBND tỉnh ban hành lộ trình biểu giá nước sạch đến năm 2020 và được tính đúng, tính đủ, các khoản chi phí trong giá thành để sản xuất và kinh doanh nước sạch, đem lại hiệu quả cho SXKD từ đó tăng chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch, đảm bảo lợi ích của Nhà nước, Công ty, cũng như cho các cổ đông.

Thứ ba. Tiếp tục hỗ trợ và tạo điều kiện để doanh nghiệp phát triển ổn định lâu dài sau khi chuyển thành công ty cổ phần nhằm tạo điều kiện ổn định về công việc cho cán bộ công nhân viên lao động yên tâm làm việc và đơn vị sau cổ phần hóa, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thứ tư. Trong trường hợp không bán hết cổ phần theo phương án cổ phần hóa được phê duyệt, kính đề nghị UBND tỉnh Kon Tum xem xét, điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum thành Công ty cổ phần theo quy định.

Việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum là phù hợp với chủ trương, chính sách của Nhà nước và thật sự cần thiết nhằm chuyển đổi hình thức hoạt động của Công ty, thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, Ban đổi mới doanh nghiệp nhà nước tỉnh Kon Tum xem xét, thẩm định và phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum, tạo điều kiện cho Công ty hoàn thành việc cổ phần hóa công ty

Kon Tum, ngày 20 tháng 9 năm 2018

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC KON TUM



**BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC KON TUM KHUYẾN
CẢO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ
QUY CHẾ ĐẦU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẦU GIÁ**

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC KON TUM**

DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC KON TUM

Địa chỉ: Số 182, Đường Trần Phú, Phường Trường Chinh, Thành
phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Điện thoại: (0260) 3862.246

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẦU GIÁ



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3941 2626 Fax: (84-24) 3934 7818

TỔ CHỨC TƯ VẤN



*Kết dịch vụ
làm nơim bán sáo*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG
GIA**

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng,
Hà Nội

Điện thoại: (024) 3.944.6666

Fax: (024) 3.944.8071



MỤC LỤC

CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	6
I. TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA.....	7
II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH.....	7
III. SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CHỦ YẾU.....	7
IV. TỔNG SỐ LAO ĐỘNG TIẾP TỤC CHUYỂN SANG CÔNG TY CỔ PHẦN.....	8
V. GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.....	8
VI. TÀI SẢN CHỦ YẾU CỦA DOANH NGHIỆP.....	9
1. Tình hình đất đai đang sử dụng.....	9
2. Nhà cửa, vật kiến trúc.....	10
3. Máy móc, thiết bị.....	11
4. Phương tiện vận tải.....	15
VII. DANH SÁCH CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON:.....	16
VIII. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG 3 NĂM TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA.....	16
1. Tình hình hoạt động kinh doanh.....	16
2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hoá.....	20
3. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.....	20
IX. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH.....	21
1. Vị thế của Công ty trong ngành.....	21
2. Triển vọng phát triển của ngành.....	22
3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước.....	23
X. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA.....	23
1. Định hướng phát triển của Công ty sau cổ phần hóa.....	23
2. Kế hoạch đầu tư sau cổ phần hóa.....	24
3. Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kế sau khi cổ phần hoá.....	24
XI. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ.....	25
1. Vốn điều lệ.....	25
2. Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến.....	25
3. Phương án tăng giảm vốn điều lệ: Không có.....	26
XII. RỦI RO DỰ KIẾN.....	26
1. Rủi ro kinh tế.....	26
2. Rủi ro luật pháp.....	26
3. Rủi ro đặc thù.....	26

5. Rủi ro khác	28
XIII. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN	28
1. Phương thức bán	28
2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán	30
XIV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA	30
XV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	31
1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum	31
2. Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum	31
3. Đại diện Tổ chức tư vấn	31

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng số 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty trước khi cổ phần hóa	7
Bảng số 2: Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần	8
Bảng số 3: Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 01/10/2017	9
Bảng số 4: Tình hình đất đai doanh nghiệp đang sử dụng	10
Bảng số 5: Tình hình nhà cửa, vật kiến trúc tại thời điểm 01/10/2017	10
Bảng số 6: Tình hình máy móc, thiết bị tại thời điểm 01/10/2017	11
Bảng số 7: Tình hình Phương tiện vận tải tại thời điểm 01/10/2017	15
Bảng số 8: Cơ cấu doanh thu thuần năm 2015 đến 2017	16
Bảng số 9: Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2015 đến 2017	18
Bảng số 10: Tỷ trọng các loại chi phí của Công ty từ năm 2015 đến năm 2017	18
Bảng số 11: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015-2017	20
Bảng số 12: Kế hoạch đầu tư, xây dựng sau cổ phần hóa	24
Bảng số 13: Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần	25
Bảng số 14: Cơ cấu Vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa	25
Bảng số 15: Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc bán cổ phần	30

CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

1. “*Công ty*”: Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum
2. “*Cổ phần*”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
3. “*Cổ phiếu*”: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần.
4. “*Cổ đông*”: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông.
5. “*Cổ tức*”: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.
6. “*Vốn điều lệ*”: vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được quy định tại Điều lệ Công ty.
7. Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản Công bố thông tin này có nội dung như sau:

CTCP

Công ty cổ phần.

Công ty TNHH MTV

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

DHDCĐ

Dại hội đồng cổ đông.

HDQT

Hội đồng quản trị.

BKS

Ban kiểm soát.

GD

Giám đốc.

CBCNV

Cán bộ công nhân viên.

HDLĐ

Hợp đồng lao động.

TSCĐ

Tài sản cố định.

TSLĐ

Tài sản lưu động.

SGDCK

Sở Giao dịch Chứng khoán.

UBCKNN

Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

UBND

Ủy Ban Nhân Dân.

CPH

Cổ phần hóa.

DN

Doanh nghiệp.

GTDN

Giá trị doanh nghiệp

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần;
 - Căn cứ Thông tư 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
 - Căn cứ Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ quyết định về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016-2020.
 - Căn cứ Quyết định số 704/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum;
 - Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum;
 - Căn cứ Quyết định số 103/QĐ-BCĐ ngày 29/9/2015 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum về việc thành lập Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum;
 - Căn cứ Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 v/v phê duyệt giá trị Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum để cổ phần hóa;
 - Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 6/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum khi chuyển sang Công ty cổ phần;
 - Công văn số 3057/UBND-KT ngày 14/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum;
 - Quyết định số 145/QĐ-BCĐ ngày 18/6/2018 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Tư vấn cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum;
 - Văn bản số 2182/UBND-KT ngày 3/8/2018 về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum theo hướng Nhà nước sở hữu 35% vốn Điều lệ tại Công ty;
 - Quyết định số 2267/UBND-KT ngày 13/08/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về việc giá khởi điểm chào bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum;
 - Quyết định số 869/QĐ - UBND ngày 17/08/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum thành Công ty cổ phần.
- Văn bản số 2397/UBND-KT ngày 23/8/2018 về việc xác thực và đính chính văn

Bản công bố thông tin bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài Công ty
TNHH MTV Cấp nước Kon Tum

NĂM 2018

I. TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

- Tên tiếng Việt : CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC KON TUM
- Trụ sở chính : Số 182, Đường Trần Phú, Phường Trường Chinh, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum
- Tên tiếng Anh : Kontum Water Supply Company
- Điện thoại : (0260) 3862.246
- Email : Capnuockontum@gmail.com
- Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 24.230.000.000 đồng
(Bằng chữ: Hai mươi bốn tỷ hai trăm ba mươi triệu đồng)

II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100103828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 30/03/1999, cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 24/11/2015, ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng số 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty trước khi cổ phần hóa

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch	3600 (chính)
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
3	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
4	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
5	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
6	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
7	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn đầu tư, thiết kế công trình cấp thoát nước, giám sát công trình cấp thoát nước, dân dụng và công nghiệp	7110
	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: thiết kế công trình cấp thoát nước	7410
8	Bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
9	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	7452
10	Mua bán máy móc, thiết bị điện	Ngành, nghề chưa khớp với mã Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

III. SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CHỦ YẾU

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ công cộng, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm những dịch vụ chính sau:

- Sản xuất và cung cấp nước sạch, sản xuất nước uống đóng chai;

- Tư vấn đầu tư, dịch vụ khảo sát, giám sát thi công công trình cấp thoát nước, dân dụng, công nghiệp, tư vấn thiết kế các công trình cấp nước.

Địa bàn hoạt động của công ty: Công ty TNHH MTV cấp nước Kon Tum là công ty duy nhất hoạt động cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Công ty hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ hoạt động sản xuất, sinh hoạt của người dân trên địa bàn thành phố Kon Tum và các huyện, xã lân cận. Bên cạnh hoạt động chính là sản xuất và cung cấp nước sạch, Công ty còn sản xuất nước bình (nước đóng bình 20 lít), xây dựng và lắp đặt các công trình cấp nước sinh hoạt cho người dân, các tổ chức, công ty trên địa bàn tỉnh.

IV. TỔNG SỐ LAO ĐỘNG TIẾP TỤC CHUYỂN SANG CÔNG TY CỔ PHẦN

Trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, phát huy được năng lực của người lao động, Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động như sau:

Bảng số 2: Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ trọng (%)
1. Phân theo loại hợp đồng lao động	71	100,00%
Không thuộc diện ký hợp đồng lao động	1	1,41%
Lao động làm việc theo HĐLĐ	70	98,59%
– HĐLĐ không thời hạn	60	84,51%
– HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	10	14,08%
2. Phân loại theo trình độ	71	100,00%
Đại học và trên đại học	14	19,72%
Cao đẳng, trung cấp	3	4,23%
Công nhân kỹ thuật	54	76,06%
3. Phân theo giới tính	71	100,00%
Nam	56	78,87%
Nữ	15	21,13%

V. GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm 01/10/2017 theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp được phê duyệt tại Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy Ban nhân dân tỉnh là: **113.212.393.847 đồng** (Bằng chữ: Một trăm mười ba tỷ hai trăm mười hai triệu ba trăm chín mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi bảy đồng).

Trong đó:

- Nợ phải trả: 29.910.393.111 đồng
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước theo số liệu sổ sách kế toán sau khi đã điều chỉnh

Bản công bố thông tin bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài Công ty
TNHH MTV Cấp nước Kon Tum

NĂM 2018

Bảng số 3: Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 01/10/2017

(DVT: đồng)

TT	Chi tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4	(5)=(4)-(3)
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG	103.942.588.341	113.212.393.847	9.269.805.506
I	Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	79.832.588.708	88.872.894.312	9.040.305.604
1	Tài sản cố định	78.470.710.177	87.464.249.762	8.993.539.585
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.107.005.008	1.107.005.008	-
4	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
5	Chi phí trả trước dài hạn	254.873.523	301.639.542	46.766.019
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	24.109.999.633	24.109.999.730	97
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	9.657.733.610	9.657.733.707	97
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.100.000.000	7.100.000.000	-
3	Các khoản phải thu	2.442.943.178	2.442.943.178	-
4	Hàng tồn kho	4.909.322.845	4.909.322.845	-
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	229.499.805	229.499.805
B	TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	-	-	-
C	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KT-PL	-	-	-
E	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C+D)	103.942.588.341	113.212.393.847	9.269.805.506
F	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP	103.942.588.341	113.212.393.847	9.269.805.506
F1	Nợ phải trả	29.910.393.111	29.910.393.111	-
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP (E - F1)	74.032.195.230	83.302.000.736	9.269.805.506

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp)

VI. TÀI SẢN CHỦ YẾU CỦA DOANH NGHIỆP

1. Tình hình đất đai đang sử dụng

Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum đang quản lý và sử dụng

Ban công bố thông tin bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài Công ty
TNHH MTV Cấp nước Kon Tum

NĂM 2018

Bảng số 4: Tình hình đất đai doanh nghiệp đang sử dụng

TT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)	Hồ sơ pháp lý, nguồn gốc nhà đất	Hiện trạng sử dụng đất	Mục đích sử dụng
1	Số 182 đường Trần Phú, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	3.083,5	- Quyết định số 132/QĐ-UB ngày 18/10/1999 của UBND tỉnh Kon Tum; - Hợp đồng thuê đất số 05/HĐTĐ ngày 11/11/1999	Đất thuê trả tiền hàng năm. Thời gian thuê đất 50 năm từ 1/10/1999	Trụ sở chính của Công ty
2	Đường Ure, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	7.899,6	- Quyết định số 181/QĐ-UB ngày 10/5/1997 của UBND tỉnh Kon Tum; - HĐ thuê đất số 173/HĐ-TĐ ngày 17/9/1997	Đất thuê trả tiền hàng năm. Thời gian thuê đất 50 năm từ 1/1/1996	Trạm xử lý nước
3	Số 113 đường Đào Duy Từ, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	983,1	- Quyết định số 180/QĐ-UB ngày 10/5/1997 của UBND tỉnh Kon Tum; - HĐ thuê đất số 155/HĐ-TĐ ngày 17/9/1997.	Đất thuê trả tiền hàng năm. Thời gian thuê đất 50 năm từ 1/1/1996	Trạm bơm 1
4	Số 213 đường Trần Khánh Dư, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	1.037,5	- Quyết định số 990/QĐ-UB ngày 18/7/2004 của UBND tỉnh Kon Tum; - Hợp đồng thuê đất: Chưa có	Đất thuê trả tiền hàng năm. Thời gian thuê đất 50 năm từ 18/7/2004	Đài nước và văn phòng 1 của công ty

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum)

2. Nhà cửa, vật kiến trúc

Bảng số 5: Tình hình nhà cửa, vật kiến trúc tại thời điểm 01/10/2017

(ĐVT: Nghìn đồng)

TT	Tên tài sản	Đơn vị	Số lượng	Giá trị sổ sách		Giá trị xác định lại	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại

**Bản công bố thông tin bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài Công ty
TNHH MTV Cấp nước Kon Tum**

NĂM 2018

TT	Tên tài sản	Đơn vị	Số lượng	Giá trị sổ sách		Giá trị xác định lại	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	3	4	6	7	8	9
1	Bể chứa 1000 m ³	m ³	1.000	1.154.570	346.371	1.154.570	346.371
2	Tường rào trạm bơm 1	m	48	41.294	12.388	41.294	12.388
3	Bể chứa và 2 hố van (cũ)			1.192.760	357.828	1.192.760	357.828
3.1	Bể chứa nước 2	m ³	1000	-	-	1.154.570	346.371
3.2	Hố van 1	m ⁴	7,5	-	-	7.306	2.192
3.3	Hố van 2	m ⁵	31,7	-	-	30.884	9.265
4	Khu nhà điều hành SX và CT phụ trợ			2.631.608	1.146.862	2.631.608	1.136.794
4.1	Nhà làm việc văn phòng	m ²	550,8	-	-	2.315.415	1.041.937
4.2	Nhà để xe	m ²	77	-	-	144.907	43.472
4.3	Nhà bảo vệ	m ²	9	-	-	26.971	8.091
4.4	Tường rào trước	m	135	-	-	144.315	43.294
5	Sân tập kết vật tư	m ²	684	131.998	33.991	131.998	39.599
6	Nhà phân xưởng nước đóng chai		201,6	737.466	337.812	737.466	368.733
6.1	Nhà	m ²	201,6	-	-	683.817	341.908
6.2	Sân bê tông	m ²	278	-	-	53.648	26.824
7	Tường rào trạm xử lý	m	263	274.184	138.426	274.184	137.092
8	Nhà hóa nghiệm	m ²	54,6	185.200	88.637	185.200	92.600
Tổng				6.349.080	2.462.315	6.349.080	2.491.406

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp)

3. Máy móc, thiết bị

Bảng số 6: Tình hình máy móc, thiết bị tại thời điểm 01/10/2017

(ĐVT: Nghìn đồng)

TT	Tên tài sản	Năm SD	Đơn vị	Số lượng	Giá trị sổ sách		Giá trị xác định lại	
					Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	3	4		6	7	8	9
	Công nghệ trạm	2000	HT	1	1.949.679	584.904	2.099.155	629.746

Bản công bố thông tin bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài Công ty
TNHH MTV Cấp nước Kon Tum

NĂM 2018

TT	Tên tài sản	Năm SD	Đơn vị	Số lượng	Giá trị sổ sách		Giá trị xác định lại	
					Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	3	4		6	7	8	9
	nghệ nước							
2	Công nghệ trạm bơm 1	1998	HT	1	1.778.230	533.469	1.914.560	574.368
3	Công nghệ trạm xử lý lắng lọc	1998	HT	1	1.848.783	554.635	1.990.523	597.157
4	Công nghệ lắng lọc đợt 1	1998	HT	1	109.439	32.831	117.829	35.349
5	Máy bơm (mới)	1998	Cái	1	9.450	9.450	8.190	8.190
6	Đường ống phân phối 300 + 400	1998	HT	1	3.594.476	718.895	3.090.080	679.817
7	Đường ống D100	1998	HT	1	594.745	118.949	511.287	112.483
8	Đường ống D300 + D400	1998	HT	1	4.676.811	935.362	4.020.536	884.518
9	Đường ống D100	1998	HT	1	683.819	136.763	587.860	129.329
10	Đường ống D100 KaPaKơLong	1998	HT	1	233.727	46.745	200.929	40.186
11	Đường ống D200	1998	HT	1	633.140	126.628	544.294	108.859
12	Đường ống D150	1998	HT	1	428.505	85.701	368.375	73.675
13	Hệ thống kiểm định đồng hồ	2000	Bộ	1	200.000	40.000	150.000	30.000
14	Đường ống cấp nước Nguyễn Thiện Thuật	2002	HT	1	432.032	151.211	407.766	132.524
15	Mạng lưới chuyên tải và phân phối tuyến ống nước thô	2006	HT	1	38.150.392	17.930.229	61.538.136	24.922.945
16	Vật tư thiết bị thầu số 3 + 4	2007	Bộ	1	22.717.674	11.818.910	32.610.493	14.674.721
17	Vật tư thiết bị thầu số 2	2007	Bộ	1	8.981.950	4.672.875	12.893.301	5.801.986
18	Vật tư thiết bị	2007	Bộ	1	10.681.935	5.557.295	15.333.576	6.900.109

Bản công bố thông tin bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài Công ty
TNHH MTV Cấp nước Kon Tum

NĂM 2018

TT	Tên tài sản	Năm SD	Đơn vị	Số lượng	Giá trị sổ sách		Giá trị xác định lại	
					Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	3	4		6	7	8	9
19	Công trình thu, bể trộn cụm xử lý 5000 (gói thầu số 1)	2007	HM	1	3.035.593	1.482.609	3.365.402	1.514.431
20	Công trình đài điều hoà cụm xử lý 3000-4000 (gói thầu S2)	2007	HM	1	4.224.426	2.063.245	4.683.399	2.107.530
21	Đường ống D150 phường Trường Chinh	2009	HT	1	337.995	207.188	455.240	257.211
22	Tụ điện trạm bơm I	2011	Cải	1	65.000	8.418	50.000	10.000
23	Đường ống D150 phường Ngô Mây	2012	HT	1	1.402.971	1.045.673	2.590.473	1.554.283
24	Van chống va D150	2012	Cải	1	65.864	6.477	24.737	9.895
25	Van chống va D100	2012	Cải	1	41.891	4.119	33.728	13.491
26	Công trình làng nghề	2012	HT	1	1.444.972	1.078.279	2.645.068	1.587.041
27	Đồng hồ đo nước thô trạm bơm	2013	Cải	1	245.306	49.061	160.000	60.000
28	máy bơm nước trực ngang đầu ròi	2014	Cải	1	45.045	18.018	40.000	18.000
29	Công Trình Mỏ Mạng Hà Huy Tập	2015	HT	1	795.612	631.265	795.612	631.265
30	Hệ thống cấp nước khu dân cư phía bắc phường Trường Chinh	2011	HT	1	569.619	410.125	342.997	185.218
31	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tại khu sân bay	2011	HT	1	2.300.941	1.817.743	2.247.585	1.213.696

Bản công bố thông tin bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài Công ty
TNHH MTV Cấp nước Kon Tum

NĂM 2018

TT	Tên tài sản	Năm SD	Đơn vị	Số lượng	Giá trị sổ sách		Giá trị xác định lại	
					Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	3	4		6	7	8	9
	III							
33	Hệ thống cấp nước mạng cấp III	2006	HT	1	1.080.877	399.924	847.471	182.206
34	Hệ thống cấp nước mạng cấp III	2007	HT	1	1.665.636	732.880	1.329.004	332.251
35	Hệ thống cấp nước mạng cấp III	2008	HT	1	2.294.000	1.330.520	1.794.062	556.159
36	Hệ thống cấp nước mạng cấp III	2009	HT	1	1.999.142	1.299.441	1.564.791	578.973
37	Hệ thống cấp nước mạng cấp III	2010	HT	1	1.575.771	1.134.555	1.212.736	551.795
38	Hệ thống cấp nước mạng cấp III	2011	HT	1	2.454.509	1.939.062	1.870.120	1.009.865
39	Hệ thống cấp nước mạng cấp III	2012	HT	1	1.598.610	1.374.804	1.411.788	882.368
40	Hệ thống cấp nước mạng cấp III	2013	HT	1	2.371.969	2.134.772	2.371.969	1.684.098
41	Hệ thống cấp nước mạng cấp III	2014	HT	1	2.309.819	2.194.328	2.309.819	1.836.306
42	Hệ thống cấp nước mạng cấp III (T1-2015 đến T9-2015)	2015	HT	1	1.369.328	1.300.862	-	-
43	Hệ thống cấp nước mạng cấp III (T10-2015 đến T12-2015)	2015	HT	1	50.643	30.385	-	-
44	Hệ thống cấp nước KCN Hòa	2009	HT	1	4.399.513	3.079.659	4.717.828	1.745.596

**Bản công bố thông tin bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài Công ty
TNHH MTV Cấp nước Kon Tum**

NĂM 2018

TT	Tên tài sản	Năm SD	Đơn vị	Số lượng	Giá trị sổ sách		Giá trị xác định lại	
					Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	3	4		6	7	8	9
	Lê Lợi							
45	Lắp đặt HTCN đường Trần Văn Hai và Trần Phú	2016	HM	1	790.133	716.973	790.133	716.973
46	Lắp đặt HTCN đường Đào Duy Từ (đoạn Nguyễn Huệ - Cao Thắng)	2017	HM	1	1.025.180	982.464	1.025.180	982.464
47	Công trình thu mới Trạm Bơm 1 (thuộc dự án Nâng cấp và Mở rộng HTCN TP. Kon Tum	2017	HM	1	1.918.624	1.865.328	1.918.623	1.865.328
48	Hệ thống cấp nước mạng cấp III năm 2016	2016	HT	1	317.968	190.781	1.785.964	1.678.806
49	Hệ thống cấp nước mạng cấp III năm 2017		HT	1	212.730	170.184	1.269.947	1.269.947
50	Điều chỉnh theo quyết toán thuế				-	23.297	-	-
51	Hệ thống cấp nước sinh hoạt khu dân cư phía Tây Bắc TP. Kon Tum	2016	HT	1	1.617.542	1.455.787	1.617.542	1.455.787
	Tổng				142.132.226	63.654.231	184.253.836	82.946.091

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp)

4. Phương tiện vận tải

Bảng số 7: Tình hình Phương tiện vận tải tại thời điểm 01/10/2017

(ĐVT: Nghìn đồng)

TT	Tên tài sản	Đơn vị	Năm SD	Số lượng	Giá trị sổ sách		Giá trị xác định lại	
					Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	3	4		6	7	8	9

**Bản công bố thông tin bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài Công ty
TNHH MTV Cấp nước Kon Tum**

NĂM 2018

TT	Tên tài sản	Đơn vị	Năm SD	Số lượng	Giá trị sổ sách		Giá trị xác định lại	
					Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	3	4		6	7	8	9
1	Xe Mitsubishi Pajero (82K -1049)	Chiếc	1999	1	690.000	142.068	750.000	150.000
2	Xe Ford Ranger bán tải (82K -1618)	Chiếc	2004	1	619.000	185.700	780.000	195.000
3	Xe Ô tô cần cẩu 2.5 tấn (82B -0461)	Xe	2006	1	980.000	189.789	980.000	196.000
TỔNG CỘNG					2.289.000	517.557	2.510.000	541.000

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp)

VII. DANH SÁCH CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON: Không có

VIII. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG 3 NĂM TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Tình hình hoạt động kinh doanh

a) Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng số 8: Cơ cấu doanh thu thuần năm 2015 đến 2017

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		01/01/2017-30/09/2017		Năm 2017	
		Giá trị (Nghìn đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Nghìn đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Nghìn đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Nghìn đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Tổng doanh thu thuần	21.462.513	100%	23.949.605	100%	17.942.025	100%	25.416.279	100%
1.1	Doanh thu cung cấp nước	16.625.552	77,46%	17.808.086	74,35%	14.278.404	79,58%	18.779.376	73,89%
1.2	Doanh thu lắp đặt đường ống, đồng hồ và các công trình có liên quan cấp nước sinh hoạt	4.206.440	19,60%	5.544.963	23,15%	3.330.538	18,57%	6.237.834	24,54%
1.3	Doanh thu nước bình (cung cấp sản phẩm bình nước 20 lít)	630.521	2,94%	596.556	2,49%	333.083	1,86%	399.069	1,57%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và tại thời điểm 30/09/2017 của Công ty)

Doanh thu thuần của Công ty có sự tăng trưởng đều qua các năm từ 2015 đến 2017.

Cụ thể, doanh thu tăng từ 21.462.513 nghìn đồng năm 2015 lên 23.949.605 nghìn đồng

hoạt động cung cấp nước (hoạt động chính của công ty) chiếm tỷ trọng lớn (trung bình khoảng 75%) trong Tổng Doanh thu thuần. Ngoài ra, doanh thu lắp đặt và doanh thu nước bình cũng góp tỷ trọng khá lớn trong tổng doanh thu của công ty (khoảng 25%).

Ngoài hoạt động kinh doanh chính của công ty là cung cấp nước sạch, công ty còn thực hiện sản xuất và cung cấp nước đóng bình (nước bình 20 lít) phục vụ nhu cầu người dân, các tổ chức, cơ quan trên địa bàn thành phố và cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt các công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn: lắp đặt đường ống cấp nước, đồng hồ, bể chứa và các công trình có liên quan.

Sự tăng trưởng Doanh thu thuần của công ty đạt được một phần nguyên nhân do công ty có kế hoạch kinh doanh tốt, việc phát triển và mở rộng mới khách hàng cũng tạo điều kiện tăng trưởng doanh thu hàng năm của công ty.

b) Nguyên vật liệu

❖ *Nguồn nguyên vật liệu:*

Với lĩnh vực hoạt động chính là cung cấp dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Kon Tum, hoạt động của Công ty bao gồm 2 lĩnh vực chính: Sản xuất và cung cấp nước sạch, sản xuất nước uống đóng chai; Xây dựng và lắp đặt các công trình cấp nước sinh hoạt.

Đối với hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sử dụng chủ yếu là nguồn nước khai thác tự nhiên (nước ngầm và nước mặt). Ngoài ra, Công ty còn sử dụng các vật liệu phụ để xử lý nước như phèn chua, clo, vật liệu lọc... và các nhiên liệu hỗ trợ các thiết bị như điện, xăng, dầu...trước khi hòa vào mạng nước sạch cung cấp đến người dân.

Đối với hoạt động xây dựng và lắp đặt các công trình cấp nước sinh hoạt:

Nguồn nguyên vật liệu chủ yếu Công ty sử dụng như là đường ống, đồng hồ đo và các phụ kiện, xi măng, sắt thép, đá xây dựng....

❖ *Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu:*

Nhìn chung, do các loại nguyên vật liệu phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty khá đơn giản và phổ biến nên Công ty có nhiều thuận lợi trong việc lựa chọn đơn vị cung cấp với mức giá hợp lý và nguồn cung ổn định, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty. Do đó, có thể nói Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum có nguồn cung cấp nguyên, nhiên vật liệu rất ổn định, giúp Công ty chủ động được trong sản xuất, đảm bảo phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

❖ *Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:*

Giá cả nguyên vật liệu tăng giảm tác động lớn tới doanh thu, lợi nhuận. Do nhận biết được vấn đề này, Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum đã áp dụng nhiều biện pháp tiết kiệm nhằm giảm thiểu tối đa sự biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào. Tỷ trọng giá vốn hàng bán trong cơ cấu chi phí là khá lớn chính vì vậy việc biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Trong những năm qua do nền kinh tế đất nước chịu ảnh hưởng chung của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, giá cả nguyên vật liệu biến động liên tục theo giá điện, xăng dầu; giá hàng hóa dịch vụ tăng cao cũng gây ra những ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh

Bản công bố thông tin bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài Công ty
TNHH MTV Cấp nước Kon Tum

NĂM 2018

c) Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty

Bảng số 9: Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2015 đến 2017

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		01/01/2017-30/09/2017		Năm 2017	
		Giá trị (Nghìn đồng)	%/DTT	Giá trị (Nghìn đồng)	%/DTT	Giá trị (Nghìn đồng)	%/DTT	Giá trị (Nghìn đồng)	%/DTT
1.1	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh nước	4.714.149	21,96%	3.692.334	15,42%	3.822.109	21,30%	4.702.100	18,50%
1.2	Lợi nhuận từ hoạt động lắp đặt đường ống, đồng hồ và các công trình có liên quan cấp nước sinh hoạt	83.352	0,39%	805.537	3,36%	554.835	3,09%	761.777	3,00%
1.3	LN từ hoạt động kinh doanh nước bình (cung cấp sản phẩm bình nước 20 lít)	(560.505)	-2,61%	(68.777)	-0,29%	(179.811)	-1,00%	(219.270)	-0,86%
	Tổng lợi nhuận gộp	4.236.996	19,74%	4.429.094	18,49%	4.197.133	23,39%	5.244.607	20,63%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và tại thời điểm 30/09/2017 của Công ty)

d) Chi phí sản xuất

Bảng số 10: Tỷ trọng các loại chi phí của Công ty từ năm 2015 đến năm 2017

TT	Khoản mục	Năm 2015		Năm 2016		01/01/2017-30/09/2017		Năm 2017	
		Giá trị (Nghìn đồng)	%/ DTT	Giá trị (Nghìn đồng)	%/ DTT	Giá trị (Nghìn đồng)	%/ DTT	Giá trị (Nghìn đồng)	%/ DTT
1	Giá vốn hàng bán	17.225.517	80,26%	19.520.511	81,51%	13.744.892	76,61%	20.171.672	79,37%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.065.532	14,28%	3.270.637	13,66%	2.389.336	13,32%	3.516.915	13,84%
4	Chi phí tài chính	62.497	0,29%	54.997	0,23%	24.187	0,13%	51.850	0,20%
5	Chi phí khác	64.028	0,30%	17.866	0,07%	15.000	0,08%	17.478	0,07%
	Tổng chi phí	20.417.574	95,13%	22.864.011	95,47%	16.173.415	90,14%	23.757.915	93,48%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và tại thời điểm 30/09/2017 của Công ty)

Nhìn vào bảng chi phí hoạt động của Công ty thấy Tổng chi phí của Công ty có sự thay đổi về giá trị nhưng tỷ trọng Chi phí/ Doanh thu thuần không có nhiều biến động, chiếm tỷ trọng khoảng 93,5% đến 95% doanh thu thuần. Trong đó, chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng khá lớn, bình quân khoảng trên 80% tính trên Doanh thu thuần, chi phí về quản lý doanh nghiệp chiếm khoảng 14%. Tỷ trọng chi phí trên doanh thu thuần khá cao tác động nhiều đến hoạt động sản xuất và hiệu quả kinh doanh của công ty.

e) Trình độ công nghệ

Nhận thức được tầm quan trọng của dịch vụ do mình cung cấp, Công ty luôn chủ

cấp nước. Để phục vụ cho quá trình hoạt động của mình được liên tục và không bị ngắt quãng, Công ty đã tiến hành đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải tiên tiến, phù hợp với nhu cầu hoạt động, điều này đã góp phần không nhỏ làm tăng năng suất, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Không chỉ chú trọng tới hoạt động cung cấp, để công tác vận hành sản xuất được tối ưu hóa, trong những năm qua, công ty luôn đặc biệt quan tâm tới công tác chống thất thu, thất thoát nước. Bằng việc lắp đặt các hệ thống thiết bị kiểm soát hoạt động của mạng lưới cấp nước như: Lắp van thông minh từng khu vực để điều tiết áp lực, lắp đặt đồng hồ điện tử,... đã giúp việc quản lý hệ thống đường ống, phát hiện rò rỉ, tránh thất thoát nguồn nước trở nên hiện quả hơn.

f) Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với đặc thù kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động mang tính phục vụ là chủ yếu. Do đó, việc nghiên cứu phát triển sản phẩm mới không phải là một mục tiêu được công ty chú trọng. Hiện tại, Công ty chủ yếu đi sâu vào việc nghiên cứu các biện pháp để ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch tới khác hàng, đáp ứng được nhu cầu của cả những khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức.

g) Hệ thống quản lý chất lượng

Xác định chất lượng sản phẩm dịch vụ là vấn đề sống còn nên Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty luôn chú trọng và nghiêm túc thực hiện. Quá trình làm việc của từng trạm bơm được quản lý, giám sát thông qua Nhật ký vận hành và Báo cáo kết quả công việc. Việc kiểm soát chất lượng nước được thực hiện hàng ngày do Bộ phận hóa nghiệm thuộc phòng Kỹ thuật – Vật tư thực hiện kiểm soát chất lượng nước. Ngoài ra, việc kiểm tra chất lượng nước của Công ty tại các Nhà máy cấp nước được thực hiện sự kiểm tra, giám sát của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh trực thuộc Sở Y tế tỉnh Kon Tum.

Dự kiến sau khi hoàn thành việc cổ phần hóa, Công ty sẽ tiến hành xây dựng và áp dụng các quy trình, quy chế quản lý, các tiêu chuẩn chất lượng theo các quy định pháp luật có liên quan.

Hệ thống mạng lưới đường ống dẫn nước của Công ty luôn được kiểm tra, xử lý kịp thời. Hàng tháng có nhân viên và bộ phận trực thuộc thường xuyên đi kiểm tra, thay, sửa chữa, bảo dưỡng đường ống và các thiết bị cấp, đo nước

h) Hệ thống marketing

Uy tín của Công ty được xây dựng chủ yếu nhờ vào chất lượng dịch vụ, sản phẩm Công ty cung cấp. Công ty chưa sử dụng nhiều các công cụ Marketing để quảng bá hình ảnh đến công chúng. Hiện nay, Công ty chưa có website riêng, chưa đẩy mạnh truyền thông ra các vùng lân cận mà chủ yếu giới thiệu sản phẩm và hoạt động của mình thông qua bộ phận thu tiền nước, một số phương tiện thông tin đại chúng mang quy mô nhỏ trên địa phương như: đài phát thanh, kênh truyền hình tỉnh Kon Tum và các tờ báo địa phương, đồng thời thực hiện các chương trình, chính sách theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

Công ty xác định được tầm quan trọng của Marketing trong nền kinh tế thị trường

**Bản công bố thông tin bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài Công ty
TNHH MTV Cấp nước Kon Tum**

NĂM 2018

hoạt động này, đưa ra chiến lược Marketing phù hợp cho từng thời kỳ, góp phần mang lại thành công của Công ty trong việc tổ chức thực hiện chiến lược kinh doanh.

i) *Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền*

Với đặc thù là doanh nghiệp nhà nước hoạt động mang tính chất phục vụ là chủ yếu, Công ty hiện chưa đăng ký hình ảnh logo, nhãn hiệu riêng. Dự kiến sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ tiến hành đăng ký nhãn hiệu thương mại cho sản phẩm, dịch vụ của mình.

j) *Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết:* Không có

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hoá

**Bảng số 11: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
giai đoạn 2015-2017**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1. Tổng giá trị tài sản	Nghìn đồng	105.975.915	104.253.618	104.632.258
2. Vốn chủ sở hữu theo sổ sách kế toán	Nghìn đồng	71.523.885	71.834.042	74.037.956
3. Nợ vay ngắn hạn	Nghìn đồng	6.398.913	8.366.459	9.600.838
<i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>	<i>Nghìn đồng</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
4. Nợ vay dài hạn	Nghìn đồng	28.053.117	24.053.117	20.993.464
<i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>	<i>Nghìn đồng</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
5. Tổng số lao động	Nghìn đồng	77	77	77
6. Tổng quỹ lương	Nghìn đồng	8.778.000	9.332.400	9.648.017
7. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Nghìn đồng	9.500	10.100	10.442
8. Tổng doanh thu	Nghìn đồng	21.462.513	23.949.605	25.416.279
9. Tổng chi phí	Nghìn đồng	20.417.574	22.864.011	23.757.915
10. Lợi nhuận trước thuế	Nghìn đồng	1.554.717	1.834.026	2.359.858
11. Lợi nhuận sau thuế	Nghìn đồng	1.320.767	1.549.786	1.954.571
12. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	%	2,70%	2,16%	2,68%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 của Công ty)

3. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

a) *Thuận lợi:*

Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp, các ngành, từ đó tạo những điều kiện thuận lợi để công ty phát triển và mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Nước sạch là sản phẩm thiết yếu đối với người tiêu dùng. Chất lượng cuộc sống ngày càng cao, xã hội ngày một phát triển kéo theo nhu cầu sử dụng nước sạch ngày một gia tăng. Tốc độ phát triển của kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn khởi sắc, tốc độ đô thị hóa đất nước ngày càng nhanh, khu đô thị mọc lên với số lượng lớn. Để đảm bảo được chất lượng đời sống của người dân điều đó dẫn đến sự cần thiết phát triển và mở rộng

thị hóa của đất nước. Tuy nhiên, hệ thống cơ sở hạ tầng còn bất cập và thiếu đồng bộ, đặc biệt là hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước, do vậy nhu cầu đầu tư xây dựng các công trình cấp nước, thoát nước trong tương lai là rất lớn.

Với phương thức hoạt động kinh doanh phát triển bền vững dựa trên nền tảng giá trị gia tăng ngày càng cao cho người dân tại địa phương và trách nhiệm người lao động trong công ty, nên những năm qua công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo, ủng hộ của các cấp chính quyền và sự gắn bó lâu dài, xây dựng cùng phát triển của toàn thể cán bộ công nhân viên công ty.

Đội ngũ CBCNV có trình độ và tay nghề, có đầy đủ phương tiện vận tải đáp ứng yêu cầu công việc, đảm bảo khối lượng và chất lượng công việc dịch vụ cung cấp cũng như đủ năng lực tiềm lực để tham gia đấu thầu các dự án quản lý, khai thác và vận hành các công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Bên cạnh đó Công ty luôn làm tốt công tác phối hợp với địa phương: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch đầu tư; Sở Xây dựng ... tranh thủ xin ý kiến chỉ đạo của cấp trên để kịp thời có biện pháp tổ chức thực hiện sát với tình hình thực tế tại công ty

b) Khó khăn

Về tác động của các yếu tố vĩ mô: Điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều khó khăn, thách thức do tác động của tình trạng suy thoái kinh tế, chi phí nguyên vật liệu, hóa chất, điện... liên tục tăng cao dẫn đến chi phí sản xuất nước sạch tăng; đặc biệt do sự biến đổi khí hậu, việc đô thị hóa và các làng nghề phát triển tự phát làm ảnh hưởng nặng nề đến nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt cho người dân; Việc đầu tư các dự án mở rộng mạng lưới cấp nước gặp nhiều khó khăn do nguồn vốn còn hạn chế.

Về cơ sở vật chất: Hạ tầng các công trình cấp nước còn thiếu và cũ, nhiều công trình xuống cấp không được nâng cấp cải tạo hàng năm. Việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo công trình cũ, đầu tư mua sắm thêm trang thiết bị tiên tiến còn gặp nhiều khó khăn do nguồn kinh phí của công ty còn hạn hẹp.

Ngoài ra, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch vừa mang tính kinh doanh, vừa mang tính an sinh xã hội để đảm bảo ổn định đời sống nhân dân trong tỉnh. Vì vậy, giá bán nước sạch chưa được điều chỉnh kịp thời, chưa phản ánh đầy đủ, đúng các chi phí thực tế cho sản xuất và lưu thông trong khi giá cả nguyên vật liệu tăng cao, khung giá nước lại do Nhà nước quy định, công ty không được phép điều chỉnh theo tình hình thực tế, đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty còn gặp khó khăn với phân khúc thị trường hẹp, hoạt động kinh doanh chưa đa dạng nên việc mở rộng thị trường không hề dễ dàng.

IX. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH

1. Vị thế của Công ty trong ngành

Đi vào hoạt động từ năm 1999, Công ty đã có hơn 19 năm kinh nghiệm trong hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác, sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh

phẩm nước uống đóng chai được sản xuất dưới sự kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt, đảm bảo cung cấp cho người tiêu dùng sản phẩm nước uống trực tiếp sạch, phù hợp với các tiêu chuẩn về chất lượng theo quy định.

Tuy nhiên, do đặc thù của các công ty nước hiện nay được phân bố theo địa bàn từng tỉnh, với mục đích hoạt động chủ yếu là cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân trên địa bàn tỉnh đó. Vì vậy, quy mô của công ty sẽ phát triển theo quy mô dân số và tình hình phát triển kinh tế của tỉnh. Kon Tum là một tỉnh nằm ở vùng Tây Nguyên, khu vực kinh tế chưa phát triển mạnh của đất nước. Vì thế, so với các công ty cấp nước thuộc các tỉnh thành khác, Công ty có quy mô vốn, trình độ công nghệ ở mức trung bình, phù hợp với trình độ phát triển kinh tế và quy mô dân số của tỉnh Kon Tum.

2. *Triển vọng phát triển của ngành*

Nước sạch là loại hàng hoá mang tính chất dịch vụ, sản phẩm sản xuất ra được nhân dân và các ngành kinh tế tiêu thụ ngay. Cũng do tính độc quyền cao và đặc điểm của sản phẩm nên đã tạo được khá nhiều thuận lợi cho Công ty tiến hành hoạt động sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Tốc độ tăng trưởng của ngành nước gắn liền với mức độ gia tăng dân số và tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa đất nước. Năm 2017, dân số nước ta xếp thứ 14 trên thế giới, đã tăng 1,07% so với năm trước. Dự báo năm 2018, gia tăng dân số tự nhiên dự báo dương, dự kiến tăng trung bình 2.600 người mỗi ngày. Cùng với đó, tốc độ phát triển kinh tế ghi nhận những thay đổi khởi sắc, GDP tăng 6,81% so với năm 2016. Trong 6 tháng đầu năm 2018, GDP ước tính tăng 7,08% so với cùng kỳ năm trước. Nền kinh tế phát triển, nhu cầu về nước sạch cũng sẽ tăng theo.

Ngày 22/12/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định phê duyệt điều chỉnh định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, đã đưa ra mục tiêu và các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2020 là:

- Tỷ lệ bao phủ dịch vụ cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại các đô thị từ loại IV trở lên đạt 95%, các đô thị loại V đạt 80% với tiêu chuẩn cấp nước 120 lít/người/ngày đêm, chất lượng nước đạt quy chuẩn kỹ thuật theo quy định; các khu công nghiệp được cấp nước đầy đủ theo yêu cầu áp lực và lưu lượng.

- Tỷ lệ hệ thống cấp nước khu vực đô thị lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 45%; tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch dưới 18% đối với các đô thị loại IV trở lên, dưới 25% đối với các đô thị loại V; dịch vụ cấp nước liên tục, đủ áp lực 24 giờ trong ngày đối với các đô thị loại IV trở lên và cấp nước phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tế đối với đô thị loại V.

Mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể đến năm 2025:

- Tỷ lệ bao phủ dịch vụ cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại các đô thị đạt 100%, với tiêu chuẩn cấp nước bình quân đạt 120 lít/người/ngày đêm, chất lượng nước đạt quy chuẩn quy định; các khu công nghiệp được cấp nước đầy đủ theo yêu cầu

- Tỷ lệ hệ thống cấp nước khu vực đô thị lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 75%; tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch tại các đô thị dưới 15%; dịch vụ cấp nước liên tục, đủ áp lực 24 giờ trong ngày.

Tầm nhìn đến năm 2050:

Đáp ứng mọi nhu cầu và bảo đảm cấp nước an toàn cho sinh hoạt và sản xuất của đô thị, khu dân cư tập trung và khu công nghiệp.

Nước sạch là thứ hàng hóa không thể thiếu được cho đời sống con người, và mọi hoạt động SXKD của các ngành, khi nền kinh tế ngày càng phát triển thì yêu cầu, đòi hỏi về vấn đề nước sạch ngày càng cao. Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch, đây là lĩnh vực mà cả người dân, Chính phủ và thế giới nói chung quan tâm. Hiện nay có rất nhiều Tổ chức tài trợ nhằm phát triển hệ thống cung cấp nước sạch cho xã hội, do vậy triển vọng phát triển của Công ty là rất lớn.

Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum là đơn vị chủ đạo cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Với nhu cầu sử dụng nước sạch ngày một gia tăng của dân cư trên địa bàn tỉnh, Công ty có nhiều cơ hội mở rộng sản xuất, tăng doanh thu. Ngoài ra, với định hướng tập trung phát triển lĩnh vực truyền thống và có thể mạnh là kinh doanh nước sạch và thi công xây dựng và thiết kế các công trình cấp thoát nước ..., tạo cơ hội và tiềm năng phát triển cho công ty trong tương lai

3. *Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước*

Do đặc thù của lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cùng tình hình thực tế hiện nay của đất nước và thế giới đang chú trọng việc phát triển và bảo vệ môi trường thiên nhiên, Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum đã và đang chủ động tìm kiếm và khai thác khách hàng mới trong địa phương và tiến tới đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước cho các tuyến vùng sâu, vùng xa. Bên cạnh đó, Công ty cũng có chủ trương tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ công nhân viên để dịch vụ đạt hiệu quả cao, hạn chế tối đa các rủi ro, đảm bảo sự phát triển bền vững.

Định hướng phát triển của Công ty được xây dựng hoàn toàn phù hợp và đi đúng hướng với quan điểm và định hướng phát triển của ngành, dựa trên kết quả tìm hiểu nhu cầu thị trường về các lĩnh vực cấp nước cũng như định hướng chính sách của Nhà nước.

X. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

1. *Định hướng phát triển của Công ty sau cổ phần hóa*

Sau khi hoàn thành cổ phần hóa, công ty xác định tập trung tối đa nguồn lực cho ngành nghề chính là khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch, cụ thể:

- Tập trung đầu tư cho phát triển nguồn: Nâng hiệu quả khai thác và công suất xử lý nước cấp tại Nhà máy cấp nước để chủ động đáp ứng nhu cầu dùng nước tăng thêm của khách hàng hiện có, đồng thời cấp nguồn nước cho các khách hàng tại các khu vực mới.

- Tập trung đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước: Đầu tư mở rộng phạm vi bao phủ

**Bản công bố thông tin bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài Công ty
TNHH MTV Cấp nước Kon Tum**

NĂM 2018

phân phối, dịch vụ) phù hợp với quy hoạch cấp nước của tỉnh Kon Tum: lắp đặt thêm đồng hồ nước, tiến tới hạ giá thành lắp đặt thiết bị.

- Giảm tỷ lệ hao hụt, thất thoát: Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và cấp nước thì việc giảm tỷ lệ thất thoát, hao hụt nước trong quá trình truyền tải, cung cấp là vô cùng quan trọng. Do vậy, công ty luôn tập trung, chú trọng trong công tác kiểm tra, kiểm soát, nâng cấp hệ thống truyền tải nhằm giảm tỷ lệ hao hụt, thất thoát.

- Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh: Cùng cố năng lực thiết kế, thi công xây lắp chuyên ngành song song với lĩnh vực sản xuất cấp nước (là lĩnh vực hoạt động chủ yếu), Công ty cũng tiếp tục tăng cường năng lực, phát triển mở rộng thị phần trong lĩnh vực thiết kế, thi công các công trình cấp nước, tăng doanh thu trong lĩnh vực thiết kế, thi công xây dựng; phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh, các dịch vụ khác (sản xuất nước đóng bình, xây dựng cơ bản) nhằm đa dạng hoạt động, ngành nghề kinh doanh của công ty.

- Nâng cao năng lực quản trị: Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát trong hoạt động sản xuất kinh doanh để đạt hiệu quả cao. Ban hành các quy định, quy chế hoạt động, quy chế quản trị nội bộ, xây dựng các cơ chế liên quan đến công việc.

2. Kế hoạch đầu tư sau cổ phần hóa.

Bảng số 12: Kế hoạch đầu tư, xây dựng sau cổ phần hóa

(ĐVT: Nghìn đồng)

TT	Nội dung đầu tư	Kinh phí đầu tư dự kiến			
		Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Kế hoạch đầu tư XDCB	27.632.524	10.000.000	10.000.000	10.000.000
-	Công trình: Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước Thành phố Kon Tum (3 gói thầu xây lắp các hạng mục: Cùm xử lý lắng lọc; Bể chứa nước 1.000m ³ , nhà trạm bơm cấp 2; Cải tạo mở rộng hệ thống mạng lưới cấp nước)	24.307.564	-	-	-
-	Công trình: Trụ sở làm việc Công ty	3.324.960	-	-	-
-	Công trình: Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước Thành phố Kon Tum	-	10.000.000	10.000.000	10.000.000
2	Kế hoạch đầu tư/mua sắm trang thiết bị, máy móc	2.090.027	-	-	-
-	Trang thiết bị máy móc tại trạm bơm 1	1.389.766	-	-	-
-	Trang thiết bị máy móc tại trạm xử lý nước	700.261	-	-	-

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa của Công ty)

Bản công bố thông tin bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài Công ty
TNHH MTV Cấp nước Kon Tum

NĂM 2018

3. Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kể sau khi cổ phần hoá.

Bảng số 13: Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần

(ĐVT: Nghìn đồng)

TT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Vốn điều lệ	83.302.000	83.302.000	83.302.000	83.302.000
2	Tổng Doanh thu	27.500.000	30.300.333	33.385.824	36.785.512
3	Tổng chi phí	25.050.000	27.339.103	29.837.388	32.563.970
4	Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	2.450.000	2.961.230	3.548.436	4.221.542
5	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	1.960.000	2.309.759	2.767.780	3.292.803
-	Quỹ Đầu tư phát triển (10%)	-	230.976	276.778	329.280
-	Quỹ Khen thưởng phúc lợi (5%)	-	115.488	138.389	164.640
-	Chia cổ tức	-	1.666.040	2.082.550	2.499.060
-	Lợi nhuận để lại tái đầu tư	-	297.255	270.063	299.823
6	LNST/Vốn điều lệ	-	2,77%	3,32%	3,95%
7	Tỷ lệ cổ tức chi trả (%)	-	2%	2,50%	3%
8	Lao động bình quân (người)	77	71	71	71
9	Tổng quỹ lương	9.648.017	9.914.620	10.931.010	12.051.593
10	Thu nhập bình quân của người lao động (người/tháng)	10.442	11.637	12.830	14.145

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa của Công ty)

XI. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ

1. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ: 83.302.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi ba tỷ ba trăm linh hai triệu đồng)
- Mệnh giá của mỗi cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần: 8.330.200 cổ phần

2. Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến

Bảng số 14: Cơ cấu Vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa

TT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Giá trị tính theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Vốn nhà nước Chủ sở hữu vốn: UBND tỉnh Kon Tum	2.915.570	29.155.700.000	35%
2	Bán ưu đãi cho người lao động	197.800	1.978.000.000	2,37%
2.1	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo số năm làm việc trong khu vực Nhà nước	122.300	1.223.000.000	1,47%
2.2	Cổ phần bán cho người lao động mua thêm theo số năm cam kết làm việc tại Công ty cổ phần	75.500	755.000.000	0,91%

**Bản công bố thông tin bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài Công ty
TNHH MTV Cấp nước Kon Tum**

NĂM 2018

TT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Giá trị tính theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
4	Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài (IPO)	5.213.830	52.138.300.000	62,59%
Tổng cộng		8.330.200	83.302.000.000	100%

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa của Công ty)

3. Phương án tăng giảm vốn điều lệ: Không có

XII. RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro kinh tế

Gia nhập tổ chức Thương mại Thế giới WTO từ năm 2007, nền kinh tế Việt Nam đã có những bước tăng trưởng tích cực nhờ các chính sách kinh tế thế giới và việc mở rộng giao lưu và hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, bên cạnh thuận lợi do ký kết các hiệp định thương mại thì việc cạnh tranh ngày càng tăng cao, các doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam gia tăng, gây khó khăn thách thức với các doanh nghiệp trong nước.

Trong năm 2017, kinh tế vĩ mô của Việt Nam ngày càng ổn định và lấy lại được đà tăng trưởng khá cao. Năm 2017, tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tính tăng 6,81% so với năm 2016; cao hơn mục tiêu 6,7% đề ra và mức tăng trưởng này cao nhất trong giai đoạn 10 năm trở lại đây. Tuy nhiên, ngoài những tín hiệu tích cực trên, nền kinh tế nào cũng chứa đựng một số rủi ro nhất định. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là i) tốc độ tăng trưởng kinh tế và ngành xuất bản; ii) tỷ lệ lạm phát và iii) tỷ lệ lãi suất. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

2. Rủi ro luật pháp

Việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới liên quan đến hoạt động của ngành có ảnh hưởng tới Công ty. Mặc dù trong những năm qua, Việt Nam đã cố gắng xây dựng và đã hình thành nên một môi trường pháp lý khá cởi mở, nhưng hành lang pháp lý của nước ta chưa thật sự hoàn chỉnh và ổn định, do đó ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Sau khi cổ phần hóa, hoạt động của Công ty vừa chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Tuy nhiên, hệ thống luật pháp Việt Nam chưa đồng bộ, đang trong quá trình hoàn thiện mới, các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn cũng chưa thật đầy đủ, thị trường chứng khoán là lĩnh vực còn rất mới mẻ mà doanh nghiệp cũng như nhà đầu tư chưa thực sự am hiểu để thực hiện đúng. Do đó nếu có sự thay đổi thì sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình giao dịch cổ phiếu của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

a) Rủi ro từ nguồn nước tự nhiên khai thác

khai thác từ các sông, nhánh sông trong khu vực. Tuy nhiên, nguồn nước sông phụ thuộc vào thượng nguồn, vào sự điều tiết của các đập thủy điện thượng lưu nên không ổn định. Do đó, Công ty cổ phần Cấp nước Kon Tum có thể gặp các rủi ro từ điều kiện tự nhiên của nguồn nước bị thay đổi. Sự thay đổi về chất lượng và lưu lượng nước thô ảnh hưởng rất lớn đến quá trình xử lý và sản xuất nước sạch.

- Hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp phát triển nhanh chóng cũng kéo theo nguy cơ ô nhiễm nguồn nước cao. Các nhà máy sản xuất chưa có hệ thống xử lý nước thải phù hợp, hoạt động sản xuất nông nghiệp sử dụng nhiều chất hóa học như phân bón, thuốc trừ sâu, gây nguy cơ ô nhiễm nguồn nước. Những năm gần đây, thời tiết thay đổi khá thất thường, mùa khô kéo dài, nguồn nước sạch bị nhiễm mặn, nhiễm cứng do đó ảnh hưởng đến nguồn nước thô cung cấp.

- Để ngăn ngừa các rủi ro trên, Công ty cần tập trung hơn nữa phát triển quy trình vận hành xử lý nước để đảm bảo được chất lượng nước sạch cung cấp cho khách hàng sử dụng.

b) Rủi ro thất thoát nước

- Do hệ thống đường ống nước nhiều tuyến đã được đầu tư từ khá lâu, tại thời điểm dân cư còn thưa thớt. Hệ thống ống nước đã được sử dụng lâu năm, có thể mang những rủi ro về hỏng hóc, vỡ đường ống,... gây thất thoát nước. Ngoài ra, đến thời điểm hiện tại, khi tốc độ đô thị hóa phát triển nhanh, mật độ dân số tăng cao làm cho việc quản lý, cải tạo và sửa chữa hệ thống đường ống cũ ở một số khu vực gặp khó khăn và tốn chi phí lớn.

- Hiện nay, Công ty đang ứng dụng và nghiên cứu phát triển hơn nữa các kỹ thuật tiên tiến trong công tác quản lý hệ thống cấp nước nhằm giảm thiểu tình trạng thất thoát nước

- Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch mang tính chất phục vụ là chủ yếu nên phụ thuộc rất nhiều vào ý thức của người dân.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Sau hơn 25 năm ra đời và đi vào hoạt động, thị trường chứng khoán Việt Nam đã đạt được một số thành công nhất định như quy mô thị trường tăng dần qua các năm. Tuy nhiên bên cạnh đó còn tồn tại nhiều vấn đề bất cập như quy mô thị trường chưa tương xứng với tiềm năng phát triển, sản phẩm còn nghèo nàn, kiến thức của nhà đầu tư về thị trường chứng khoán còn hạn chế, nhà đầu tư hành động chủ yếu theo đám đông....

Với thực trạng hiện nay, thị trường chứng khoán Việt Nam đang trong thời kỳ điều chỉnh do chịu ảnh hưởng tiêu cực từ sự suy giảm kinh tế chung. Mặt khác, tâm lý của các nhà đầu tư chưa thật sự ổn định, đang chờ đợi những động thái tích cực hơn của Chính phủ và dấu hiệu lạc quan hơn từ nền kinh tế, dẫn đến tình hình giao dịch của cổ phiếu cả trên thị trường niêm yết và thị trường OTC không thật sôi động. Do đó việc chào bán cổ phần ra công chúng vào thời điểm này sẽ gặp một số khó khăn và điểm bất lợi nhất định. Tuy nhiên, những phản ứng tích cực của nền kinh tế với các chính sách điều tiết của Chính phủ thời gian gần đây và niềm tin dường như phần nào được lấy lại nơi các nhà

tới.

Cổ phiếu của Công ty chưa được đưa vào giao dịch tập trung nên tính thanh khoản thấp hơn so với các Công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực có cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch. Đợt chào bán cổ phần của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán niêm yết tại thời điểm chính thức đấu giá, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần của Công ty.

5. *Rủi ro khác*

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD của Công ty

XIII. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

1. Phương thức bán

1.1. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động

a) Bán cổ phần cho Cán bộ công nhân viên theo thời gian thực tế làm việc trong Khu vực Nhà nước

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (01/10/2017), tổng số lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty là 77 lao động. Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum đã lập danh sách lao động công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua ưu đãi theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước cụ thể như sau:

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty tại : 77 lao động
thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp
- Tổng số CBCNV được mua cổ phần ưu đãi theo thời gian : 77 lao động
thực tế làm việc tại khu vực nhà nước
- Tổng số CBCNV không được mua hoặc không mua cổ phần : 00 lao động
ưu đãi theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước
- Tổng số năm công tác trong khu vực nhà nước : 1.223 năm
- Tổng số cổ phần đăng ký mua theo thời : 122.300 cổ phần, tương đương giá trị
gian thực tế làm việc tại khu vực nhà 1.223.000.000 đồng tính theo mệnh giá,
nước chiếm 1,47% vốn điều lệ.
- Giá bán : 6.000 đồng/ cổ phần
- Hạn chế chuyển nhượng : 03 năm kể từ thời điểm nộp tiền mua
cổ phần ưu đãi.
- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho : Sau khi tổ chức Bán đấu giá cổ phần
người lao động lần đầu ra bên ngoài.

b) Bán cổ phần ưu đãi cho người lao động và người quản lý doanh nghiệp theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần:

- Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng và quyết định các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và phải được nhất trí thông qua tại Hội nghị người lao động của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa.”

- Công ty đã tổ chức Hội nghị người lao động để phổ biến chính sách ưu đãi cho người lao động theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa và thông qua tiêu chí lao động chuyên gia giỏi.

▪ Tiêu chí lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ bao gồm:

+ Lao động là Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng/ Phó các phòng ban của Công ty;

Các lao động không thuộc đối tượng lao động như trên phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

+ Người lao động có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên;

+ Người lao động có số năm công tác tại Công ty từ 03 năm trở lên tính theo thời điểm ký hợp đồng lao động;

▪ Tình hình đăng ký mua thêm cổ phần theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần của người lao động như sau:

- Số lao động chuyển sang làm việc tại : 71 người
CTCP

- Số lao động đăng ký mua cổ phần theo : 50 người
thời gian cam kết làm việc tại CTCP

- Tổng số cổ phần người lao động đăng ký : 75.500 cổ phần, tương đương giá trị
mua thêm theo số năm cam kết 755.000.000 đồng tính theo mệnh
giá, chiếm 0,91% vốn điều lệ

- Giá bán : 12.700 đồng/ cổ phiếu.

- Hạn chế chuyển nhượng : Hạn chế chuyển nhượng trong thời
gian cam kết.

- Thời gian bán dự kiến : Sau khi tổ chức Bán đấu giá cổ phần
lần đầu ra bên ngoài.

1.2. Cổ phần bán cho Công đoàn

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 1/10/2017, Công ty có quỹ công đoàn. Số lượng cổ phần Công đoàn công ty đăng ký mua như sau:

- Tổng số cổ phần công đoàn công : 3.000 cổ phần, tương đương giá trị
ty 30.000.000 đồng tính theo mệnh giá, chiếm
0,04% vốn điều lệ

- Giá bán : 10.000 đồng/cổ phần

- Hạn chế chuyển nhượng : Hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 03
năm kể từ thời điểm công ty chuyển sang
công ty cổ phần.

1.3. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài

Tổng số cổ phần thực hiện bán ra bên ngoài như sau:

- Tổng số cổ phần bán đấu giá : 5.213.830 cổ phần, giá trị tính theo mệnh giá 52.138.300.000 đồng, chiếm 62,59% vốn điều lệ Công ty cổ phần.
- Giá khởi điểm đề xuất : 12.700 đồng/ cổ phiếu
- Đơn vị tư vấn bán đấu giá : Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia
- Đơn vị tổ chức Bán đấu giá : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Thời gian bán đấu giá : Theo Quy chế đấu giá do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành.
- Đối tượng tham gia đấu giá : Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

Đối với người lao động: Theo Thông báo bán cổ phần cho người lao động do Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum ban hành.

Đối với Nhà đầu tư trúng đấu giá: Theo Quy chế đấu giá do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành.

XIV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA

Căn cứ chứng thư thẩm định giá số 416.1/CT-DCSC ngày 30/7/2018 do Công ty cổ phần Tư vấn – Dịch vụ về tài sản – Bất động sản DATC thẩm định, Ủy Ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã có Quyết định số 2267/UBND-KT ngày 13/08/2018 về việc giá khởi điểm chào bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum. Theo đó, giá 01 cổ phiếu của Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum là 12.700 đồng/cổ phiếu:

Bảng số 15: Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc bán cổ phần

Chỉ tiêu	Chủ giải	Cổ phần	Giá bán	Giá trị (đồng)
Vốn Nhà nước trên sổ sách kế toán sau khi đã điều chỉnh lại	(1)			83.302.000.736
Vốn điều lệ Công ty cổ phần	(2)	8.330.200		83.302.000.000
Vốn Nhà nước tại công ty cổ phần		2.915.570		29.155.700.000
Tiền thu được từ cổ phần hóa	(3)			67.938.291.000
Bán cho CBCNV		197.800		1.692.650.000
- Mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước		122.300	6.000	733.800.000
- Mua theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần		75.500	12.700	958.850.000
Bán cho công đoàn		3.000	10.000	30.000.000
Bán đấu giá lần đầu		5.213.830	12.700	66.215.641.000
Giá trị chênh lệch vốn Nhà nước	(4) = (1) -			736
Giá trị chênh lệch vốn Nhà nước	(2)			

**Bản công bố thông tin bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài Công ty
TNHH MTV Cấp nước Kon Tum**

NĂM 2018

Chi giải quyết chính sách lao động dôi dư (*)	(6)			425.632.648
Số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Nhà nước	(7)= (3)+(4)- (5)-(6)			66.699.659.088

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa của Công ty)

(*) Ngày 21/06/2018, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Kon Tum đã có văn bản số 908/SLĐTBXH-LĐTLBHXH về phương án sử dụng lao động và giải quyết lao động dôi dư khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum, theo đó, phê duyệt Tổng số lao động dôi dư là 06 người với tổng chi phí thực hiện là 425.632.648 đồng (bằng chữ: Bốn trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn sáu trăm bốn mươi tám đồng). Nguồn kinh phí được lấy từ tiền bán cổ phần lần đầu, trường hợp không đủ thì được bổ sung từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

XV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum

Ông: Nguyễn Thanh Hùng - Phó Giám đốc Sở Tài chính, Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là trung thực và phù hợp với thực tế doanh nghiệp tại Phương án cổ phần hóa đã được UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt.

2. Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum

Ông Đặng Văn Quang - Chủ tịch Công ty

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính và kết quả, triển vọng phát triển của Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum.

3. Đại diện Tổ chức tư vấn

Bà Trần Thị Thu Hương - Tổng Giám đốc

Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia đảm bảo rằng việc xây dựng và soạn thảo Bản Công bố thông tin này rất trung thực, khách quan và chính xác dựa trên các thông tin và số liệu do Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Kon Tum cung cấp.

Tất cả những thông tin trên được đưa ra theo đúng quy định của Luật hiện hành nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch và quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư nhưng không hàm ý đảm bảo giá trị chứng khoán.

Các thông tin trên cung cấp cho nhà đầu tư với mục tiêu giúp nhà đầu tư nhìn nhận doanh nghiệp dự định đầu tư một cách khách quan, sáng suốt.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước khi đưa ra quyết định đầu giá mua cổ phần của Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon

Bán công bố thông tin bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài Công ty
TNHH MTV Cấp nước Kon Tum

NĂM 2018

Kon Tum, ngày 20 tháng 8 năm 2018

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH
MTV CẤP NƯỚC KON TUM**

TRƯỞNG BAN

Phó Giám đốc Sở Tài chính



Nguyễn Thanh Hùng

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC KON TUM

Chủ tịch Công ty



Đặng Văn Quang

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

**ĐẠI DIỆN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**



Trần Thị Thu Hương



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC KONTUM

Kon Tum, ngày ... tháng ... năm 2018

- Website:.....

4. Công ty cổ phần cấp nước Kon Tum hoạt động sản xuất kinh doanh trên phạm vi lãnh thổ nước Việt Nam. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là: Chủ tịch Hội đồng quản trị

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là người đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch	3600 (chính)
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
3	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
4	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
5	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
6	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
7	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn đầu tư, thiết kế công trình cấp thoát nước, giám sát công trình cấp thoát nước, dân dụng và công nghiệp	7110
	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: thiết kế công trình cấp thoát nước	7410
8	Bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
9	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	7452
10	Mua bán máy móc, thiết bị điện	Ngành, nghề chưa khớp với mã Hệ

		thông ngành kinh tế Việt Nam
--	--	------------------------------------

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Đảm bảo an ninh nước sạch; Sản xuất và cung cấp nước sạch với chất lượng dịch vụ hoàn hảo, thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng và phát triển kinh tế xã hội của địa phương.
- Mở rộng và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh đối với những lĩnh vực, ngành nghề Công ty có lợi thế để nâng cao giá trị doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động.
- Không ngừng nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động; Huy động và sử dụng vốn hiệu quả, hướng đến mục tiêu lợi nhuận đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông, người lao động và cộng đồng; Thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;
- Xây dựng Công ty trở thành đơn vị có trình độ quản lý tiên tiến, công nghệ hiện đại, sớm hội nhập với khu vực và thế giới.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là: 83.302.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi ba tỷ ba trăm linh hai triệu đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 8.330.200 cổ phần (Bằng chữ: Tám triệu ba trăm ba mươi nghìn hai trăm cổ phần) với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối

- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.



biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

chính của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này.

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% trở lên được đề cử tối đa số ứng viên Ban kiểm soát.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên

không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1. Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;
- d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có

ĐẠI
HỘI
C
M
XO

hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thu lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc



cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn can vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn can vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Điều 43. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và người lao

động trong Công ty.

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt nam trong Công ty hoạt động theo hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam và Điều lệ của Đảng cộng sản Việt Nam.
2. Các tổ chức chính trị xã hội: Tổ chức công đoàn và Đoàn thanh niên, hội CCB trong công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của tổ chức đó. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mình.
3. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
4. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc phân phối lợi nhuận sau thuế của Công ty, trả cổ tức cho cổ đông trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị Công ty, theo nguyên tắc sau:
 - Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định của pháp luật nhưng tối đa không quá 10% lợi nhuận sau thuế phát sinh trong năm của Công ty;
 - Trích lập Quỹ đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật nhưng tối đa không quá 15% lợi nhuận sau thuế phát sinh trong năm của Công ty;
 - Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/ đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết

THY
H.H
ANH
NU
NTI
UM

xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phần phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 (một) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn theo quy định, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một

cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý và nộp cho các cơ quan quản lý theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động



1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi cổ quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;
- Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị,



bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban kiểm soát Công ty chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 56 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Kon Tum nhất trí thông qua ngày tháng năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum;

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của Thành viên Hội đồng quản trị Công ty

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật